

Phụ lục 1
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
Lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 5 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

PHẦN I: DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	MÃ QUY TRÌNH	TÊN QUY TRÌNH	LĨNH VỰC	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
1.	QT-001-Cục PTTH& TTĐT	Cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
2.	QT-002-Cục PTTH& TTĐT	Cấp đổi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
3.	QT-003-Cục PTTH& TTĐT	Thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí, tôn chỉ, mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
4.	QT-004-Cục PTTH& TTĐT	Thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
5.	QT-005-Cục PTTH& TTĐT	Thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng không chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT

STT	MÃ QUY TRÌNH	TÊN QUY TRÌNH	LĨNH VỰC	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
6.	QT-006- Cục PTTH& TTĐT	Thay đổi biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình và những nội dung khác quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
7.	QT-007- Cục PTTH& TTĐT	Cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
8.	QT-008- Cục PTTH& TTĐT	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
9.	QT-009- Cục PTTH& TTĐT	Cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
10.	QT-010- Cục PTTH& TTĐT	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
11.	QT-011- Cục PTTH& TTĐT	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
12.	QT-012- Cục PTTH& TTĐT	Cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
13.	QT-013- Cục PTTH& TTĐT	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
14.	QT-014- Cục PTTH& TTĐT	Cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT

STT	MÃ QUY TRÌNH	TÊN QUY TRÌNH	LĨNH VỰC	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
15.	QT-015- Cục PTTH& TTĐT	Cấp giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
16.	QT-016- Cục PTTH& TTĐT	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
17.	QT-017- Cục PTTH& TTĐT	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
18.	QT-018- Cục PTTH& TTĐT	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
19.	QT-019- Cục PTTH& TTĐT	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
20.	QT-020- Cục PTTH& TTĐT	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
21.	QT-021- Cục PTTH& TTĐT	Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
22.	QT-022- Cục PTTH& TTĐT	Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
23.	QT-023- Cục PTTH& TTĐT	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
24.	QT-024- Cục PTTH& TTĐT	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT

STT	MÃ QUY TRÌNH	TÊN QUY TRÌNH	LĨNH VỰC	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
25.	QT-025- Cục PTTH& TTĐT	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
26.	QT-026- Cục PTTH& TTĐT	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
27.	QT-027- Cục PTTH& TTĐT	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
28.	QT-028- Cục PTTH& TTĐT	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
29.	QT-029- Cục PTTH& TTĐT	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
30	QT-030- Cục PTTH& TTĐT	Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
31	QT-031- Cục PTTH& TTĐT	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
32	QT-032- Cục PTTH& TTĐT	Cấp lại giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
33	QT-033- Cục PTTH& TTĐT	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
34	QT-034- Cục PTTH& TTĐT	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT

STT	MÃ QUY TRÌNH	TÊN QUY TRÌNH	LĨNH VỰC	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
35	QT-035- Cục PTTH& TTĐT	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
36	QT-036- Cục PTTH& TTĐT	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
37	QT-037- Cục PTTH& TTĐT	Cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
38	QT-038- Cục PTTH& TTĐT	Sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
39	QT-039- Cục PTTH& TTĐT	Cấp lại Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
40	QT-040- Cục PTTH& TTĐT	Thông báo Thông tin liên hệ của tổ chức cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
41	QT-041- Cục PTTH& TTĐT	Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
42	QT-042- Cục PTTH& TTĐT	Thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép hoạt động phát thanh và/hoặc Giấy phép hoạt động truyền hình.

Mã số TTHC: 1.002790

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) - Xác định loại hình báo chí; tôn chỉ, mục đích phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; đối tượng phục vụ; chương trình, thời gian, thời lượng, phương thức truyền dẫn, phát sóng. - Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí. - Có tên và biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình. - Có trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính; có các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; phải có phương án, kế hoạch thuê hoặc sử dụng hạ tầng truyền dẫn, phát sóng. - Phù hợp với quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Sau khi được cấp giấy phép hoạt động báo chí, cơ quan chủ quản báo chí ra quyết định thành lập cơ quan báo chí và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. - 09 tháng đối với báo nói, báo hình, kể từ ngày giấy phép hoạt động báo chí có hiệu lực, nếu cơ quan báo chí không được thành lập hoặc không có sản phẩm báo chí thì giấy phép hết hiệu lực. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép. - Chậm nhất là 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, cơ quan báo chí phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thu hồi giấy phép hoạt động báo chí và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.
2	Cách thức thực hiện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3	Trình tự thực hiện		
	- Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh và hoặc giấy phép hoạt động truyền hình nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục PTTH&TTĐT (Bộ VH TTDL). - Trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VH TTDL xem xét cấp phép cho cơ quan, tổ chức. Trường hợp từ chối, Bộ VH TTDL có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối. - Đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ VH TTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ. - Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ VH TTDL (Cục PTTH&TTĐT) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo. - Trong thời hạn quy định, nếu cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ VH TTDL (Cục PTTH&TTĐT) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới. - Trường hợp đề nghị cấp phép hoạt động cả 02 loại hình báo nói, báo hình, cơ quan chủ quản phải làm hồ sơ riêng đối với từng loại hình báo chí cụ thể. Cơ quan báo in, báo điện tử khi có nhu cầu thực hiện loại hình báo nói, báo hình, căn cứ quy định của Luật Báo chí, cơ quan chủ quản gửi hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định của Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016, Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản.	01 bản	Bản chính
4.2	Tờ khai của cơ quan chủ quản đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016).	01 bản	Bản chính
4.3	Đề án thành lập tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình được cơ quan chủ quản phê duyệt (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016).	01 bản	Bản chính

4.4	Danh sách nhân sự dự kiến (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016).	01 bản	Bản chính	
4.5	Các giấy tờ hợp pháp của người dự kiến là người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình, gồm có: - Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024). - Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên.	01 bản	Bản chính Bản sao	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: Tối đa 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình của các tổ chức, đơn vị. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn - Phòng Phát thanh, truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng PTTH thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng PTTH tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng, thực hiện thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	42 ngày	- Trường hợp chuyên viên xác định hồ sơ không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình đề nghị cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	14 ngày	- Trường hợp Lãnh đạo phòng xác định hồ sơ không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo

				phòng ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy phép/văn bản.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục xem xét thông qua hồ sơ trình đề nghị cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận cấp Giấy phép.	Lãnh đạo Cục	14 ngày	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy văn bản xin ý kiến cơ quan có liên quan (xin ý kiến Ban Tuyên giáo Trung ương theo quy định) về việc cấp phép.

B7	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét hồ sơ do Cục PTTH&TTĐT trình để ký văn bản lấy ý kiến Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương về việc cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	9 ngày	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký văn bản đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương cho ý kiến về việc cấp phép.
B8	- Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ trình đề nghị cấp Giấy phép hoặc văn bản không chấp thuận cấp Giấy phép. - Cục PTTH&TTĐT trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận cấp Giấy phép.	Lãnh đạo Cục	9 ngày	- Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục: + Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: Trường hợp hồ sơ, văn bản ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Phó Cục trưởng xác định cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. + Trình Cục trưởng cho ý kiến: Trường hợp hồ sơ, văn bản ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Cục trưởng xác định cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng

				cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/văn bản. - Cục PTTH&TTĐT trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL: + Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. + Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký ban hành Giấy phép/văn bản.
B9	- Giấy phép được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục; chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi.
B10	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục PTTH&TTĐT	1/4 ngày	Lưu hồ sơ.
9	Cơ sở pháp lý - Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình;			

	- Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình và Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.
10	Biểu mẫu Các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 và Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Tờ khai của cơ quan chủ quản đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 01 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016). - Đề án thành lập tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình được cơ quan chủ quản phê duyệt (Mẫu số 2 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016). - Danh sách nhân sự dự kiến (Mẫu số 3 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016). - Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 01 Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).
11	Đối tượng thực hiện Cơ quan, tổ chức.
12	Cơ quan thực hiện Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.

Mẫu số 1

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.....năm...

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên cơ quan chủ quản :.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:

- Fax:

2. Mục đích hoạt động báo chí:

3. Tên gọi tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Fax:

4. Biểu tượng của tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:

5. Nội dung đề nghị cấp phép:

5.1. Lĩnh vực hoạt động (*nêu rõ phát thanh hoặc truyền hình*):

5.2. Tên kênh phát thanh/truyền hình(*kênh chương trình đầu tiên gắn với sự ra đời của tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình*):.....

5.3. Biểu tượng của kênh *phát thanh/truyền hình*:

5.4. Tôn chỉ, mục đích của kênh *phát thanh/truyền hình*:

5.5. Ngôn ngữ thể hiện:

5.6. Đối tượng phục vụ:

5.7. Thời gian phát sóng (*từ giờ đến giờ*):.....

5.8. Thời lượng phát sóng (*Số giờ/ngày*):

5.9. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):.....
- Phát lại:

5.10. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:.....

5.11. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1						
2						
3						
4						
5						

5.12. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác")

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

Mono ☐

Stereo ☐

Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

5.13. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng trên các định dạng kỹ thuật tại khoản 5.12.

6. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....

7. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:

8. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:.....

9. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh/ truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Quảng bá ☐

Trả tiền ☐

10. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

- | | |
|--|--------------------------|
| Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số | ☐ |
| Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV | ☐ |
| Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh | ☐ |
| Dịch vụ truyền hình di động | ☐ |
| Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet | ☐ |
| Khác | ☐ |
-(Ghi rõ trong trường hợp điền "khác").....

11. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí đầu tư ban đầu:
- Kinh phí hoạt động thường xuyên:
- + Năm 1:
- + Năm 2:

12. Lãnh đạo tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình (dự kiến):

- 12.1. Tổng giám đốc/Giám đốc/Tổng biên tập:
- 12.2. Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc/Phó tổng biên tập:

13. Các nội dung khác (nếu có)

14. Cam kết:

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung trong Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình* và các tài liệu kèm theo; thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí, quy định của pháp luật có liên quan và các nội dung ghi trong giấy phép nếu được cấp phép./.

Người đứng đầu cơ quan chủ quản
đề nghị cấp phép
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Ấu số 2

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

THÀNH LẬP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

I. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý

II. Nội dung đề án

1. Thông tin về tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:

- Tên gọi, Biểu tượng, Mục đích hoạt động báo chí của tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*.

2. Thông tin về kênh *phát thanh/truyền hình* đầu tiên gắn liền với giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình:

- Tên gọi, biểu tượng, tôn chỉ, mục đích, ngôn ngữ thể hiện, đối tượng khán giả của kênh *phát thanh/truyền hình*;

- Nội dung chương trình; thời gian phát sóng; thời lượng phát sóng; thời lượng chương trình tự sản xuất phát mới trung bình/ngày; đặc điểm kỹ thuật của kênh *phát thanh/truyền hình* (độ phân giải hình ảnh của kênh truyền hình; âm thanh của kênh phát thanh); cấu tạo khung chương trình cơ bản; khung phát sóng dự kiến trong 01 (một) tháng của kênh chương trình đó.

3. Thông tin về năng lực sản xuất kênh *phát thanh/truyền hình*:

- Phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí;

- Phương án về trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật (Địa điểm sản xuất kênh chương trình; Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình, trang thiết bị kỹ thuật,...);

- Phương án tài chính (thể hiện bằng dự toán kinh phí hoạt động trong hai (02) năm của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình và nguồn lực tài chính đáp ứng được dự toán kinh phí này).

- Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh *phát thanh/truyền hình*.

- Giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;

- Phương án, kế hoạch thuê hoặc sử dụng hạ tầng truyền dẫn, phát sóng.

- Phương án, kế hoạch kỹ thuật phân phối kênh *phát thanh/truyền hình* đến các đơn vị cung cấp dịch vụ *phát thanh/truyền hình*.

4. Các nội dung khác (nếu có)

III. Hiệu quả xã hội, hiệu quả kinh tế

IV. Kết luận

*Người đứng đầu cơ quan chủ quản
đề nghị cấp phép
(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 3

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TỔNG HỢP NHÂN SỰ DỰ KIẾN CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG *PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH***I. LÃNH ĐẠO VÀ PHỤ TRÁCH CÁC PHÒNG, BAN NGHIỆP VỤ**

TT	Họ và tên	Chức vụ ¹	Chức danh ²	Giới tính (Nam/nữ)	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ chuyên môn báo chí/ khác ³	Trình độ lý luận chính trị ⁴	Trình độ ngoại ngữ	Đảng viên	Năm vào ngành báo chí	Điện thoại liên lạc	
												Cơ quan	Di động
1													
2													
...													

II. PHÒNG VIÊN, BIÊN TẬP VIÊN,...

TT	Họ và tên	Chức danh ²	Giới tính (Nam/nữ)	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ chuyên môn báo chí/ khác ³	Trình độ lý luận chính trị ⁴	Trình độ ngoại ngữ	Đảng viên	Năm vào ngành báo chí	Điện thoại liên lạc	
											Cơ quan	Di động
1												
2												
...												

Người đứng đầu cơ quan chủ quản
(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

¹ Chức vụ: Tổng biên tập, Phó Tổng Biên tập, Trưởng phòng ...

² Chức danh: Phóng viên (PV); Biên tập viên (BTV);...

³ Trình độ chuyên môn báo chí/khác: Sau đại học (SĐH); Đại học (ĐH); Dưới đại học (DĐH) (lưu ý: ghi rõ chuyên ngành đào tạo); khác (K)

⁴ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp (CC); cử nhân (CN); trung cấp (T/C); sơ cấp (SC)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 01

Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 3x4

đóng dấu
giáp lại

SƠ YẾU LÝ LỊCH

NGƯỜI DỰ KIẾN LÀ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC
HOẠT ĐỘNG *PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH*

- Họ và tên khai sinh (*chữ in*): Nam, nữ:
- Họ và tên thường dùng:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán:
- Địa chỉ thường trú:
- Nơi ở hiện nay:
- CCCD/Thẻ CC số: Cấp ngày: .../.../..... Tại:
- Dân tộc: Tôn giáo:
- Quốc tịch:
- Đảng viên/Đoàn viên:
- Trình độ Chuyên môn (*Đại học, Sau đại học*)
 - Trường học:
 - Ngành học:
 - Năm tốt nghiệp: (*ngày/tháng/năm*)
- Trình độ lý luận chính trị (*cao cấp, cử nhân, trung cấp, sơ cấp*):
- Trình độ Ngoại ngữ (Ngoại ngữ nào, trình độ A, B, C, D):
- Ngày và nơi vào ngành báo chí:
- Số Thẻ nhà báo còn hiệu lực: Ngày cấp: Có giá trị đến:
- Bút danh (nếu có):
- Chức danh báo chí hiện nay (*ghi rõ lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ*):

I- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

(*ghi rõ thời kỳ học, tên trường, lớp văn hóa,*

chính trị, ngoại ngữ, chuyên môn, kỹ thuật ...)

.....

.....

.....

II- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc ở đâu)

.....

.....

.....

III- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc, chức danh, ở cơ quan báo chí nào)

.....

.....

.....

IV- KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

(Hình thức cao nhất)

.....

.....

V- LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan về những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về lời khai của mình trước cơ quan quản lý và trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan chủ quản

Ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan chủ quản

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

Người khai ký tên

2. Tên thủ tục: Cấp đổi Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình

Mã số TTHC: 2.001743

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Trong thời hạn còn hiệu lực của giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình mà cơ quan, tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 07/2011/TT-BTTTT ngày 01/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện thủ tục đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình nộp hồ sơ về Bộ VH TTDL (Cục PTTH&TTĐT) - Bộ VH TTDL xem xét cấp đổi Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Văn bản của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.	01 bản	Bản chính
4.2	Tờ khai của cơ quan, tổ chức (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT);	01 bản	Bản chính
4.3	Văn bản chấp thuận của cơ quan chủ quản đối với tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình	01 bản	Bản chính

	của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ, ngành;			
4.4	Bản sao Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình đã được cấp.	01 bản	Bản sao	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: Tối đa 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình của các tổ chức, đơn vị. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.
B2	Lãnh đạo Cục phân công công phòng chuyên môn - Phòng Phát thanh, truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, giao chuyên	Lãnh đạo	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.

	viên Chuyên viên phụ trách thụ lý giải quyết hồ sơ.	Phòng PTTH		
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	51 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	14 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	14 ngày	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến.

				- Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến chuyển Phó Cục trưởng ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/văn bản không chấp thuận cấp đổi Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.
B7	- Cục PTTH&TTĐT trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét cấp đổi Giấy phép/văn bản không chấp thuận cấp đổi Giấy phép.	Cục PTTH&TTĐT	9 ngày	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký ban hành Giấy phép/văn bản không chấp thuận cấp đổi Giấy phép.
B8	- Giấy phép được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi.

B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.			
10	Biểu mẫu			
	Tờ khai của cơ quan chủ quản đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT).			
11	Đối tượng thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức.			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.			

Mẫu số 1

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.....năm...

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên cơ quan chủ quản :.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:

- Fax:

2. Mục đích hoạt động báo chí:

3. Tên gọi tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Fax:

4. Biểu tượng của tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:

5. Nội dung đề nghị cấp phép:

5.1. Lĩnh vực hoạt động (nêu rõ phát thanh hoặc truyền hình):

5.2. Tên kênh phát thanh/truyền hình(kênh chương trình đầu tiên gắn với sự ra đời của tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình):.....

5.3. Biểu tượng của kênh phát thanh/truyền hình:

5.4. Tôn chỉ, mục đích của kênh phát thanh/truyền hình:

5.5. Ngôn ngữ thể hiện:

5.6. Đối tượng phục vụ:

5.7. Thời gian phát sóng (từ giờ đến giờ):.....

5.8. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ngày):

5.9. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):.....

- Phát lại:

5.10. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:.....

5.11. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1						
2						
3						
4						
5						

5.12. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác")

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

Mono ☐

Stereo ☐

Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

5.13. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng trên các định dạng kỹ thuật tại khoản 5.12.

6. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....

7. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:

.....

8. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:.....

9. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh/ truyền hình:

(Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Quảng bá

☐

Trả tiền

☐

10. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

☐

Dịch vụ truyền hình di động

☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

☐

Khác

☐

.....(Ghi rõ trong trường hợp điền "khác")......

11. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí đầu tư ban đầu:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên:

+ Năm 1:

+ Năm 2:

12. Lãnh đạo tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình (dự kiến):

12.1. Tổng giám đốc/Giám đốc/Tổng biên tập:

12.2. Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc/Phó tổng biên tập:

13. Các nội dung khác (nếu có)

14. Cam kết:

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung trong Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình* và các tài liệu kèm theo; thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí, quy định của pháp luật có liên quan và các nội dung ghi trong giấy phép nếu được cấp phép./.

Người đứng đầu cơ quan chủ quản

đề nghị cấp phép

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

3. Tên thủ tục: Thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí, tôn chỉ, mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình

Mã số TTHC: 1.004098

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan, tổ chức đã được giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Cơ quan, tổ chức đề nghị thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí nộp hồ sơ về Bộ VH TTDL (Cục PTTH&TTĐT). - Trong thời hạn tối đa 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VH TTDL xem xét cấp phép cho cơ quan, tổ chức. Trường hợp từ chối, Bộ VH TTDL có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối. - Trong thời hạn xử lý cấp phép theo quy định, đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ VH TTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ. - Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ VH TTDL (Cục PTTH&TTĐT) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo. - Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ bổ sung theo quy định, cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ VH TTDL (Cục PTTH&TTĐT) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức

4.1	Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ, ngành. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu cơ quan ký.	01 bản	Bản chính	
4.2	Tờ khai của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT).	01 bản	Bản chính	
4.3	Báo cáo tình hình triển khai giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình kể từ ngày được cấp phép (Mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT).	01 bản	Bản chính	
4.4	Đề án của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện những nội dung thay đổi được cơ quan chủ quản phê duyệt (Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT).	01 bản	Bản sao	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: Tối đa 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	- Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thay đổi tên	Bộ phận một cửa	1/2 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ.

	chỉ, mục đích hoạt động báo chí, thay đổi tôn chỉ mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình của các cơ quan, tổ chức. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.			- Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn - phòng Phát thanh, truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí, thay đổi tôn chỉ mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyên Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, giao chuyên viên Chuyên viên phụ trách thụ lý giải quyết hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng PTTH thẩm tra, xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.	Chuyên viên	16 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản

				và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình đề nghị cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận thay đổi tôn chỉ mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	03 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ trình đề nghị cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí, thay đổi tôn chỉ mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình.	Lãnh đạo Cục	06 ngày	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo

				Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy văn bản xin ý kiến cơ quan có liên quan (xin ý kiến Ban Tuyên giáo Trung ương theo quy định) về việc cấp phép.
B7	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét hồ sơ do Cục PTTH&TTĐT trình đề ký văn bản xin ý kiến Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	09 ngày	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký văn bản đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương cho ý kiến về việc cấp phép.
B8	- Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ trình cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí, thay đổi tôn chỉ mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình. - Cục PTTH&TTĐT trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí, thay đổi tôn chỉ mục	Phòng PTTH	09 ngày	- Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục: + Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: Trường hợp hồ sơ, văn bản ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương, Phó Cục trưởng xác định cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. + Trình Cục trưởng cho ý kiến:

	đích kênh phát thanh, kênh truyền hình.			Trường hợp hồ sơ, văn bản ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Phó Cục trưởng xác định cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/văn bản. - Cục PTTH&TTĐT trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL: + Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. + Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký ban hành Giấy phép/văn bản.
B9	- Giấy phép/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho Tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi.
B10	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ.
9	Cơ sở pháp lý			

	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.
10	Biểu mẫu Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT số 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông: - Tờ khai của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 6); - Báo cáo tình hình triển khai giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình kể từ ngày được cấp phép (Mẫu số 7); - Đề án của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện những nội dung thay đổi được cơ quan chủ quản phê duyệt (Mẫu số 2).
11	Đối tượng thực hiện Cơ quan, tổ chức.
12	Cơ quan thực hiện Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.

Mẫu số 6

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.....năm...

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Thông tin về cơ quan chủ quản:

- Tên cơ quan chủ quản:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:

2. Thông tin về tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:

- Tên tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Fax:

3. Thông tin về giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình đã được cấp:

- Số giấy phép:
- Ngày cấp giấy phép: (ngày/tháng/năm)

4. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình:

.....
.....

5. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình:

.....
.....

6. Các nội dung khác (nếu có)

7. Cam kết:

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung trong Tờ khai đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy hoạt động phát thanh/truyền hình và các tài liệu kèm theo; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, quy định của pháp luật có liên quan và các nội dung ghi trong giấy phép nếu được cấp phép./.

**Người đứng đầu tổ chức
hoạt động phát thanh, truyền hình**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 7

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình triển khai Giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình*

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

I. Thông tin về cơ quan chủ quản:

1. Tên cơ quan chủ quản:
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:
4. Fax:

II. Thông tin về tổ chức hoạt động *phát thanh, truyền hình*:

1. Tên tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:
4. Fax:
5. Biểu tượng của tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:
6. Thông tin về giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình* đã được cấp (số, ngày tháng cấp giấy phép).

...

III. Nội dung báo cáo:

1. Việc thực hiện tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí:
2. Việc thực hiện tôn chỉ, mục đích kênh *phát thanh/truyền hình* quy định trong giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình*:
 - 2.1. Đối tượng phục vụ:
 - 2.2. Thời gian phát sóng (từ giờ đến giờ):
 - 2.3. Thời lượng phát sóng (số giờ/ngày)
 - 2.4. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:
Phát lần 1 (phát mới):
Phát lại:

2.5. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:.....

2.6. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

Stt	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1						
2						
3						
4						
5						
...						

...

Người đứng đầu tổ chức
hoạt động *phát thanh/truyền hình*
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Ấu số 2

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

THÀNH LẬP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

I. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý

II. Nội dung đề án

1. Thông tin về tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:

- Tên gọi, Biểu tượng, Mục đích hoạt động báo chí của tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*.

2. Thông tin về kênh *phát thanh/truyền hình* đầu tiên gắn liền với giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình:

- Tên gọi, biểu tượng, tôn chỉ, mục đích, ngôn ngữ thể hiện, đối tượng khán giả của kênh *phát thanh/truyền hình*;

- Nội dung chương trình; thời gian phát sóng; thời lượng phát sóng; thời lượng chương trình tự sản xuất phát mới trung bình/ngày; đặc điểm kỹ thuật của kênh *phát thanh/truyền hình* (độ phân giải hình ảnh của kênh truyền hình; âm thanh của kênh phát thanh); cấu tạo khung chương trình cơ bản; khung phát sóng dự kiến trong 01 (một) tháng của kênh chương trình đó.

3. Thông tin về năng lực sản xuất kênh phát thanh/truyền hình:

- Phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí;

- Phương án về trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật (Địa điểm sản xuất kênh chương trình; Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình, trang thiết bị kỹ thuật,...);

- Phương án tài chính (thể hiện bằng dự toán kinh phí hoạt động trong hai (02) năm của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình và nguồn lực tài chính đáp ứng được dự toán kinh phí này).

- Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh *phát thanh/truyền hình*.

- Giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;

- Phương án, kế hoạch thuê hoặc sử dụng hạ tầng truyền dẫn, phát sóng.
- Phương án, kế hoạch kỹ thuật phân phối kênh *phát thanh/truyền hình* đến các đơn vị cung cấp dịch vụ *phát thanh/truyền hình*.

4. Các nội dung khác (nếu có)

III. Hiệu quả xã hội, hiệu quả kinh tế

IV. Kết luận

***Người đứng đầu cơ quan chủ quản
đề nghị cấp phép
(Ký tên, đóng dấu)***

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

4. Tên thủ tục: Thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình

Mã số TTHC: 1.004093

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan, tổ chức đã được giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Cơ quan, tổ chức đề nghị thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, nộp hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT). - Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL xem xét cấp phép cho cơ quan, tổ chức. Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối. - Trong thời hạn xử lý cấp phép theo quy định, đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ. - Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo. - Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ bổ sung theo quy định, cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/	Hình thức

		Đơn vị tính		
4.1	Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ, ngành. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu cơ quan ký	01 bản	Bản chính	
4.2	Báo cáo về nội dung đề nghị thay đổi (Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT).	01 bản	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình của các tổ chức, đơn vị. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức,	Văn thư Cục PTTH&TTĐT	1/2 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

	doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.			
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyên Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	10 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình đề nghị cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.	Lãnh đạo Phòng PTTH	03 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình

				Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ trình đề nghị cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.	Lãnh đạo Cục	06 ngày	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/văn bản.
B7	Cục PTTH&TTĐT trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận thay đổi thời lượng.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	09 ngày	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện

				- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VH TTDL ký ban hành Giấy phép/văn bản.
B8	- Giấy phép/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.			
10	Biểu mẫu			
	Báo cáo về nội dung đề nghị thay đổi (Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT).			
11	Đối tượng thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức.			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục PTTH&TTĐT, Bộ VH TTDL.			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.			

Ấu số 8

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

**Về thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh
*phát thanh/truyền hình***

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

I. Thông tin về cơ quan chủ quản:

1. Tên cơ quan chủ quản:
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:
4. Fax:
- ...

II. Thông tin về tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:

1. Tên tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:
4. Fax:
5. Biểu tượng của tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:.....
6. Thông tin về giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình đã được cấp (số, ngày tháng cấp giấy phép):
- ...

III. Nội dung báo cáo

1. Nêu rõ tên, nội dung, thời gian, thời lượng phát sóng chương trình tăng thêm hoặc các chương trình cắt giảm; lý do tăng thêm hoặc cắt giảm.
2. Thời lượng chương trình tự sản xuất mới của kênh *phát thanh/truyền hình* sau khi đã thay đổi thời lượng kênh *phát thanh/truyền hình*.
3. Phương án tổ chức sản xuất thời lượng chương trình tăng thêm (nếu có) .

4. Khung chương trình dự kiến phát sóng trong 01(một) tháng.

...

**Người đứng đầu tổ chức
hoạt động phát thanh/truyền hình**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

5. Tên thủ tục: Thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng khống chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình

Mã số TTHC: 1.004085

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)
	Cơ quan, tổ chức đã được giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.
2	Cách thức thực hiện
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3	Trình tự thực hiện
	- Cơ quan, tổ chức đề nghị thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng khống chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, nộp hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT). - Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Bộ VHTTDL xem xét cấp phép cho cơ quan, tổ chức. Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối. - Trong thời hạn xử lý cấp phép theo quy định, đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ. - Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo. - Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ bổ sung theo quy định, cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc

	tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới.			
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức	
4.1	Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ, ngành. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu cơ quan ký.	01 bản	Bản chính	
4.2	Văn bản, giấy tờ hợp pháp có liên quan đối với trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản, tên gọi cơ quan báo chí; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng không chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng.	01 bản	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTT&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng không chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong giấy phép hoạt động	Bộ phận một cửa	1/2 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

	phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình của các cơ quan, tổ chức. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.			
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyên Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	10 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình đề nghị	Lãnh đạo Phòng PTTH	03 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải

	cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.			trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ trình đề nghị cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.	Lãnh đạo Cục	06 ngày	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/văn bản.

B7	Cục PTTH&TTĐT trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận thay đổi thời lượng.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	09 ngày	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký ban hành Giấy phép/văn bản.
B8	- Giấy phép/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho Tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.			
10	Biểu mẫu			
	Không quy định.			
11	Đối tượng thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức.			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.			

6. Tên thủ tục: Thay đổi biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình và những nội dung khác quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình

Mã số TTHC: 1.004078

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan, tổ chức đã được giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Cơ quan, tổ chức đề nghị thay đổi biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình và những nội dung khác quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, nộp hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT). - Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL xem xét cấp phép cho cơ quan, tổ chức. Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối. - Trong thời hạn xử lý cấp phép theo quy định, đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ. - Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo. - Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ bổ sung theo quy định, cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức

4.1	Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ, ngành. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu cơ quan ký.	01 bản	Bản chính	
4.2	Bản in màu biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình có xác nhận của cơ quan chủ quản. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, bản in màu biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình phải do người đứng đầu cơ quan ký xác nhận.	01 bản	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng không chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình của các cơ quan, tổ chức.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

	- Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.			
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	10 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình đề nghị cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.	Lãnh đạo Phòng PTTH	03 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu.

				- Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ trình đề nghị cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.	Lãnh đạo Cục	06 ngày	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/văn bản.
B7	Cục PTTH&TTĐT trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét cấp Giấy phép/văn	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	09 ngày	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ

	bản không chấp thuận thay đổi thời lượng.			VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký ban hành Giấy phép/văn bản.
B8	- Giấy phép/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.			
10	Biểu mẫu			
	Không quy định.			
11	Đối tượng thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức.			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.			

7. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước**Mã số TTHC: 1.004266****Nội dung cụ thể:**

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan báo chí được cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Cơ quan báo chí được cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VH TT DL (Cục PTTH&TTĐT). - Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VH TT DL có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ VH TT DL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản trả lời nêu rõ lý do.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu số 12/SXCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.	01 bản	Bản chính
4.2	Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.	01 bản	Bản sao
4.3	Đề án sản xuất kênh chương trình trong đó nêu rõ: Mục đích sản xuất; tên gọi,	01 bản	Bản chính

	biểu tượng (lôgô); tôn chỉ, mục đích kênh chương trình; nội dung kênh chương trình; độ phân giải hình ảnh của kênh chương trình; khung chương trình dự kiến trong 01 (một) tháng; đối tượng khán giả; năng lực sản xuất kênh chương trình (gồm: Nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính); quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình; phương thức kỹ thuật phân phối kênh chương trình đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hiệu quả kinh tế xã hội của kênh. - Trường hợp kênh chương trình là sản phẩm liên kết, Đề án sản xuất kênh chương trình phải cung cấp các thông tin về sản phẩm liên kết, gồm: Địa chỉ, năng lực của đối tác liên kết; hình thức liên kết; quyền và nghĩa vụ các bên tham gia liên kết. - Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sản xuất nhiều kênh chương trình, đơn vị đề nghị cấp Giấy phép phải làm Đề án riêng đối với từng kênh chương trình cụ thể.				
4.4	Văn bản phê duyệt Đề án sản xuất kênh chương trình của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, Đề án sản xuất phải được người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt			01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
6	Thời gian xử lý: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.				
8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm	

B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình trong nước của các tổ chức, đơn vị. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, Truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	07 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp phép theo quy định.

B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh phát thanh, truyền hình trong nước.	Lãnh đạo Phòng PTTH	02 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy phép.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ trình đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh phát thanh, truyền hình trong nước.	Lãnh đạo Cục	04 ngày làm việc	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của

				Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy văn bản xin ý kiến cơ quan có liên quan (xin ý kiến Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương theo quy định) về việc cấp phép.
B7	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét hồ sơ do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	05 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký văn bản đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương cho ý kiến về việc cấp phép.
B8	- Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ trình đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. - Cục PTTH&TTĐT trình Lãnh đạo Bộ TTTT xem xét cấp Giấy phép/văn bản không chấp thuận cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	04 ngày làm việc	- Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục: + Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: - Trường hợp hồ sơ, văn bản ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Phó Cục trưởng xác định cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. + Trình Cục trưởng cho ý kiến: - Trường hợp hồ sơ, văn bản ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Phó Cục trưởng xác định cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH

				giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/văn bản. - Cục PTTH&TTĐT trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL: + Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện + Trường hợp hồ sơ từ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký ban hành Giấy phép/văn bản.
B9	- Giấy phép/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;			

	- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.
10	Biểu mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu số 12/SXCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.
11	Đối tượng thực hiện Cơ quan báo chí được cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.
12	Cơ quan thực hiện Bộ VHTTDL, Cục PTTH&TTĐT
13	Kết quả thực hiện Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh,/Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình (viết chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình số...do...cấp ngày.....tháng
.....năm.*

- *Số Giấy phép sản xuất kênh chương trình (phát thanh/ truyền hình) trong
nước....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm....(áp dụng trong trường hợp đề nghị cấp
Giấy phép sửa đổi, bổ sung).*

**2. Đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình trong nước (ghi rõ phát thanh
hoặc truyền hình):**

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:

2.4. Ngôn ngữ thể hiện:

2.5. Đối tượng phục vụ:

2.6. Thời gian phát sóng (từ giờ đến giờ):.....

2.7. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ ngày):

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):

- Phát lại:

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
...						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác")

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

Mono ☐

Stereo ☐

Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết:

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:.....

- Điện thoại: - Fax:

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết:

Ngày cấp: Nơi cấp:

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:.....Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc: Số điện thoại:

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ
...										

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; Số lượng máy quay; Số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...):

3.7. Hình thức liên kết:.....

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết:

4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....

5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:

.....

6. Địa điểm đặt phòng tổng không chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:.....

7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Quảng bá

☐

Trả tiền

☐

8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

☐

Dịch vụ truyền hình di động

☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

☐

Khác

☐

.....(*Ghi rõ trong trường hợp thuộc điền "khác"*).....

9. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu:
- Kinh phí hoạt động thường xuyên:
- + Năm 1:
- + Năm 2:

10. Các nội dung khác (nếu có)

11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

11.1. Họ và tên:

11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/ Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

12. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

13. Cam kết

(*Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước, (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

Xác nhận của cơ quan chủ quản

(*Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành*)
(*Ký tên đóng dấu*)

Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt

động phát thanh/ truyền hình
(*Ký tên, đóng dấu*)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

8. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước**Mã số TTHC: 1.002135****Nội dung cụ thể:**

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan báo chí được cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Cơ quan báo chí được cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục PTT&TTĐT). - Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ VHTTDL (Cục PTT&TTĐT) có văn bản trả lời nêu rõ lý do.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình:		
(1)	Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu số 12/SXCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.	01	Bản chính
(2)	Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình.	01	Bản sao

(3)	Đề án sản xuất kênh chương trình trong đó nêu rõ: Mục đích sản xuất; tên gọi, biểu tượng (lôgô); tôn chỉ, mục đích kênh chương trình; nội dung kênh chương trình; độ phân giải hình ảnh của kênh chương trình; khung chương trình dự kiến trong 01 (một) tháng; đối tượng khán giả; năng lực sản xuất kênh chương trình (gồm: Nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính); quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình; phương thức kỹ thuật phân phối kênh chương trình đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hiệu quả kinh tế xã hội của kênh. + Trường hợp kênh chương trình là sản phẩm liên kết, Đề án sản xuất kênh chương trình phải cung cấp các thông tin về sản phẩm liên kết, gồm: Địa chỉ, năng lực của đối tác liên kết; hình thức liên kết; quyền và nghĩa vụ các bên tham gia liên kết. + Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sản xuất nhiều kênh chương trình, đơn vị đề nghị cấp Giấy phép phải làm Đề án riêng đối với từng kênh chương trình cụ thể.	01	Bản chính
(4)	Văn bản phê duyệt Đề án sản xuất kênh chương trình của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, Đề án sản xuất phải được người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt.	01	Bản chính
4.2	Trường hợp thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép, đơn vị có Giấy	01	Bản chính

	phép phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thuyết minh nội dung thay đổi và văn bản chấp thuận thay đổi của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của Bộ, ngành; đối với cơ quan báo chí Trung ương, văn bản đề nghị thay đổi do người đứng đầu cơ quan báo chí ký.			
4.3	Trường hợp tăng hoặc giảm thời lượng kênh chương trình, thời lượng chương trình tự sản xuất, ngoài các yêu cầu về hồ sơ tại trường hợp 4.1.1, đơn vị có Giấy phép phải có Đề án nêu rõ tên, nội dung, thời gian, thời lượng phát sóng chương trình tăng thêm hoặc các chương trình cắt giảm; khung chương trình dự kiến phát sóng trong 01 tháng; phương án tổ chức sản xuất thời lượng chương trình tăng thêm.	01 bản	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTT&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình trong nước của các cơ quan, tổ chức.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

	- Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.			
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	04 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh phát thanh, truyền hình trong nước.	Lãnh đạo Phòng PTTH	02 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu.

				- Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận cấp Giấy phép.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	04 ngày làm việc	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/ văn bản không chấp

				thuận cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước.
B7	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét hồ sơ do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	04 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B8	- Giấy phép/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý - Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép,			

	Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.
10	Biểu mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu số 12/SXCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.
11	Đối tượng thực hiện Cơ quan báo chí được cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.
12	Cơ quan thực hiện Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình (viết chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: - Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):
- Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình số...do...cấp ngày.....tháng.....năm.*

- *Số Giấy phép sản xuất kênh chương trình (phát thanh/ truyền hình) trong nước....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm....(áp dụng trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).*

2. Đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:

2.4. Ngôn ngữ thể hiện:

2.5. Đối tượng phục vụ:

2.6. Thời gian phát sóng (từ giờ đến giờ):.....

2.7. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ ngày):

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):

- Phát lại:

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
2.						
...						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác")

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

Mono ☐

Stereo ☐

Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết:

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:.....

- Điện thoại: - Fax:

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết:

Ngày cấp: Nơi cấp:

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:.....Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc: Số điện thoại:

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ
...										

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; Số lượng máy quay; Số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...):

3.7. Hình thức liên kết:.....

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết:

4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....

5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:

.....

6. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:.....

7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Quảng bá

☐

Trả tiền

☐

8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

☐

Dịch vụ truyền hình di động

☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

☐

Khác

☐

.....(Ghi rõ trong trường hợp thuộc điền "khác").....

9. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu:
- Kinh phí hoạt động thường xuyên:
- + Năm 1:
- + Năm 2:

10. Các nội dung khác (nếu có)

11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

- 11.1. Họ và tên:
- 11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/ Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

12. Tài liệu kèm theo:

- (1).....
- (2).....

13. Cam kết

(*Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước, (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

Xác nhận của cơ quan chủ quản
(*Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành*)
(Ký tên đóng dấu)

Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

9. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước**Mã số TTHC: 1.004213****Nội dung cụ thể:**

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan báo chí được cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- 90 ngày trước khi Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước hết hiệu lực, nếu muốn tiếp tục sản xuất kênh chương trình, cơ quan báo chí có Giấy phép phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép. - Cơ quan báo chí được cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT). - Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản trả lời nêu rõ lý do.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép do người đứng đầu cơ quan báo chí ký; đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của Bộ, ngành phải kèm theo văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép của cơ quan chủ quản.	01	Bản chính

4.2	Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước đã được cấp.	01	Bản sao	
4.3	Báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kênh chương trình kể từ ngày được cấp Giấy phép có các nội dung: Cung cấp số liệu đánh giá hiệu quả tác động của kênh, danh sách các chương trình hoặc chuyên mục phát sóng trên kênh (gồm: thời gian, thời lượng phát sóng; nguồn chương trình; khung chương trình phát sóng; danh sách cán bộ lãnh đạo phụ trách các phòng, ban nghiệp vụ hoặc kênh chương trình; phóng viên, biên tập viên chịu trách nhiệm sản xuất kênh chương trình).	01 bản	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình trong nước của các tổ chức, đơn vị. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	10 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất kênh phát thanh, truyền hình trong nước.	Lãnh đạo Phòng PTTH	03 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy phép/ văn bản không chấp thuận cấp Giấy phép.

B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	04 ngày làm việc	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B7	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét hồ sơ do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	04 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL

				ký Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B8	- Giấy phép/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý - Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.			
10	Biểu mẫu			

	Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu số 12/SXCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.
11	Đối tượng thực hiện
	Cơ quan báo chí được cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.
12	Cơ quan thực hiện
	Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện
	Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình (viết chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: - Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):
- Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình số...do...cấp ngày.....tháng.....năm.*

- *Số Giấy phép sản xuất kênh chương trình (phát thanh/ truyền hình) trong nước....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm....(áp dụng trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).*

2. Đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):

- 2.1. Tên kênh chương trình:
- 2.2. Biểu tượng kênh chương trình:
- 2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:
- 2.4. Ngôn ngữ thể hiện:
- 2.5. Đối tượng phục vụ:
- 2.6. Thời gian phát sóng (từ giờ đến giờ):.....
- 2.7. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ ngày):
- 2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:
 - Phát lần 1 (phát mới):
 - Phát lại:

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
3.						
...						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác")

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

Mono ☐

Stereo ☐

Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác")

2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết:

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:

- Điện thoại: - Fax:

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết:

Ngày cấp: Nơi cấp:

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên: Sinh ngày: Quốc tịch:

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc: Số điện thoại:

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ
...										

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; Số lượng máy quay; Số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...):

3.7. Hình thức liên kết:.....

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết:

4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....

5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:

.....

6. Địa điểm đặt phòng tổng không chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:.....

7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Quảng bá ☐

Trả tiền ☐

8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

Khác ☐

.....(Ghi rõ trong trường hợp thuộc điền "khác").....

9. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu:
- Kinh phí hoạt động thường xuyên:
- + Năm 1:
- + Năm 2:

10. Các nội dung khác (nếu có)

11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

11.1. Họ và tên:

11.2. Chức danh (Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/ Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc):.....

12. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

13. Cam kết

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước, (tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

Xác nhận của cơ quan chủ quản
(Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát
thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành)
(Ký tên đóng dấu)

**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt
động phát thanh/ truyền hình**
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

10. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.000848

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Đại lý được ủy quyền là doanh nghiệp Việt Nam và được các hãng truyền hình nước ngoài ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam. Đại lý được ủy quyền có trách nhiệm đăng ký cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Đại lý (Doanh nghiệp) gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền về Bộ VH TTDL (Cục PTTH&TTĐT) - Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VH TTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trong đó quy định rõ yêu cầu biên tập, biên dịch đối với kênh chương trình được cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Bộ VH TTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản trả lời nêu rõ lý do.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền	01	Bản chính

	hình trả tiền theo mẫu số 03/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.			
4.2	Bản sao Giấy phép hoạt động của hãng truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực.	01	Bản sao	
4.3	Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của Quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn thảo bằng tiếng nước ngoài.	01	Bản chính	
4.4	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản xác nhận của hãng truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài).	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu	
4.5	Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài).	01	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: 5.000.000 đồng.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm

B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ PTTH trả tiền của doanh nghiệp. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – Phòng Phát thanh, Truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	08 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực

				hiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	03 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy chứng nhận/ văn bản không chấp thuận cấp Giấy chứng nhận.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	04 ngày làm việc	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục

				trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B7	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét hồ sơ do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	07 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B8	- Giấy chứng nhận/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy chứng nhận /văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;			

	- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. - Thông tư số 307/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền.
10	Biểu mẫu Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 03/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.
11	Đối tượng thực hiện Doanh nghiệp (đại lý).
12	Cơ quan thực hiện Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

**TÊN ĐẠI LÝ ĐƯỢC ỦY QUYỀN
TẠI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số / ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP
KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên đơn vị đề nghị cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (viết chữ in hoa):

-
- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: - Fax:
 - Email (nếu có):
 - Website (nếu có):
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ... số.....do....cấp ngày....tháng....năm.....
 - Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.....do....cấp ngày....tháng ...năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung)

2. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền Việt Nam theo các nội dung sau:

- 2.1. Tên kênh chương trình:
- 2.2. Biểu tượng kênh chương trình:
- 2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (bao gồm cả tên viết tắt):
- 2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:
- 2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (*Phim truyện/ Phim hoạt hình/ Tin tức/ Khoa học, giáo dục/ Giải trí tổng hợp/ Thể thao/ Ca nhạc/...*)

2.7. Ngôn ngữ thể hiện:

2.8. Thời gian phát sóng/ ngày:

2.9. Thời lượng phát sóng/ ngày:

2.10. Độ phân giải hình ảnh: (*Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp*)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(*Ghi rõ thông tin nếu điền "khác"*)

(*Đơn vị*) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.

2.11. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh:.....

2.12. Vệ tinh phát:.....

Tên vệ tinh:.....

Vị trí vệ tinh:.....

2.13. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:

2.14. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (*Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp*)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

2.15. Phạm vi được ủy quyền của đại lý theo văn bản ủy quyền: Là đại lý duy nhất/ các giới hạn ủy quyền khác (nếu có)...

3. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

4. Cam kết

(Tên đại lý được ủy quyền) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp *(tên đại lý được ủy quyền)* xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền, *(tên đại lý được ủy quyền)* sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định trong Giấy chứng nhận và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:

Đại diện theo pháp luật của đại lý được ủy quyền

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

11. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.000836

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Đại lý (doanh nghiệp) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT). - Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản trả lời nêu rõ lý do.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Trường hợp thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục đăng ký áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu.	01	Bản chính
4.2	Đối với các thay đổi khác:		
(1)	Doanh nghiệp có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký của đại lý được ủy quyền nêu rõ lý do và thuyết	01	Bản chính

	minh chi tiết những nội dung đề nghị thay đổi.			
(2)	Văn bản của hãng truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi.	01	Bản chính	
(3)	Bản sao hoặc cung cấp số Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp.	01	Bản sao	
(4)	Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình.	01	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: 2.500.000 đồng.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ PTTH trả tiền của doanh nghiệp. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo	Bộ phận một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

	cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.			
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, Truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	04 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	02 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu

				trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy chứng nhận/ văn bản không chấp thuận cấp Giấy chứng nhận.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	04 ngày làm việc	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B7	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét hồ sơ do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	04 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả

				lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B8	- Giấy chứng nhận /văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy chứng nhận/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý - Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số			

	06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. - Thông tư số 307/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền.
10	Biểu mẫu Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 03/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 (<i>trong trường hợp thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục đăng ký áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu</i>).
11	Đối tượng thực hiện Doanh nghiệp (đại lý).
12	Cơ quan thực hiện Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

12. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.002008

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan báo chí được cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Cơ quan báo chí có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT). - Trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xem xét cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản trả lời nêu rõ lý do.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.	01	Bản chính
4.2	Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình.	01	Bản sao

4.3	Đề án biên tập kênh chương trình nước ngoài thể hiện các nội dung quy định.	01	Bản chính	
4.4	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình nước ngoài. Trường hợp văn bản thỏa thuận bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt Nam và chứng thực đối với bản dịch.	01	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Không quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ PTTH trả tiền của cơ quan báo chí. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan báo chí sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu cơ quan báo chí sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.

B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	10 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan báo chí về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp Giấy phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	03 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy chứng nhận/ văn bản không chấp thuận cấp Giấy phép.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	04 ngày làm việc	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng

				yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B7	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét hồ sơ do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	05 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B8	- Giấy phép/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi

	- Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.			
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu. - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.			
11	Đối tượng thực hiện			
	Cơ quan báo chí			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục PTTH&TTĐT, BỘ VH TTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.			

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BIÊN TẬP
KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình (viết chữ in hoa):

.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: - Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình docấp ngày.....;
- Số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm... (áp dụng với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

2. Đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (bao gồm cả tên viết tắt):

.....
2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:

.....
2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/	Trong 01 tháng

					ngày	
1.						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (*Phim truyện/ Phim hoạt hình/ Tin tức/ Khoa học, giáo dục/ Tổng hợp/ Giải trí tổng hợp/ Thể thao/ Ca nhạc/...*):

2.7. Ngôn ngữ thể hiện:

2.8. Thời gian phát sóng/ ngày:

2.9. Thời lượng phát sóng/ ngày:

2.10. Độ phân giải hình ảnh: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

SDTV

☐

HDTV

☐

Khác

☐

(Ghi rõ nếu điền "khác")

(Cơ quan báo chí) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.

3. Đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (áp dụng với kênh chương trình phân phối qua đại lý ủy quyền tại Việt Nam):

3.1. Tên đại lý:

3.2. Địa chỉ trụ sở chính:

3.3. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền ... do....cấp.... ngày ... tháng ... năm ...

4. Năng lực của cơ quan báo chí đề nghị cấp phép bảo đảm yêu cầu về biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:

4.1. Nhân sự (yêu cầu kê khai rõ về số lượng nhân sự, trình độ chuyên môn báo chí, số thẻ nhà báo còn hiệu lực, trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép):

Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn báo chí		Số thẻ nhà báo	Trình độ ngoại ngữ (phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép)
			Trên đại học	Đại học		
...						

4.2. Năng lực về kỹ thuật (yêu cầu kê khai rõ về hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình):

4.3. Năng lực tài chính (nêu rõ dự toán chi phí biên tập, biên dịch trong vòng 01 năm, tổng vốn đầu tư, chi phí xây dựng cơ bản, chi phí thiết bị, chi phí bản quyền, và các khoản chi khác (nếu có)):

4.4. Địa điểm đặt thiết bị làm chậm và thực hiện việc biên tập:

5. Quy trình biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:

.....

6. Phương thức thu, truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình nước ngoài:

6.1. Phương thức thu tín hiệu kênh chương trình:

6.2. Phương thức truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình sau khi thực hiện biên tập, biên dịch cho các đơn vị sử dụng kênh:

7. Người chịu trách nhiệm nội dung biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài (phải là lãnh đạo cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình):

.....

8. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

9. Cam kết:

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) cam kết:

9.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

9.2. Nếu được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

Xác nhận của cơ quan chủ quản
(Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành)
(Ký tên đóng dấu)

Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình đề nghị cấp phép
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

13. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.000030

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan báo chí đã được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Cơ quan báo chí có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT). - Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT) có văn bản trả lời nêu rõ lý do..		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Trường hợp thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình nước ngoài thì đơn vị có Giấy phép thực hiện hồ sơ, thủ tục áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu.	01	Bản chính
4.2	Trường hợp thay đổi các nội dung khác:		
(1)	Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kèm theo thuyết minh về các nội dung thay đổi do người đứng đầu cơ quan	01	Bản chính

	báo chí ký. Đối với cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của các Bộ, ngành văn bản đề nghị phải có xác nhận của cơ quan chủ quản.			
(2)	Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp.	01	Bản sao	
(3)	Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình.	01	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Không quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ PTTTH trả tiền. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan báo chí sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu cơ quan báo chí sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, Truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	04 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan báo chí về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp Giấy phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	02 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy chứng nhận/ văn bản

				không chấp thuận cấp Giấy phép.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	04 ngày làm việc	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B7	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét hồ sơ do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	04 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện.

				- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B8	- Giấy phép/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.			
10	Biểu mẫu			

	Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 <i>(trong trường hợp thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình)</i> .
11	Đối tượng thực hiện
	Cơ quan báo chí
12	Cơ quan thực hiện
	Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện
	Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

14. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.004231

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan báo chí đã được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- 90 ngày trước khi Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài hết hiệu lực, nếu muốn tiếp tục biên tập kênh chương trình, Cơ quan báo chí có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VH TT DL (Cục PT TH & TT Đ T). - Trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VH TT DL (Cục PT TH & TT Đ T) có trách nhiệm xét cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ VH TT DL (Cục PT TH & TT Đ T) có văn bản trả lời nêu rõ lý do.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.	01	Bản chính

4.2	Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp.	01	Bản sao	
4.3	Báo cáo đánh giá hoạt động biên tập kênh chương trình nước ngoài kể từ thời điểm được cấp Giấy phép có các nội dung: Tự đánh giá về hiệu quả hoạt động biên tập, nhân lực, trang thiết bị, thuận lợi, khó khăn trong công tác thực hiện biên tập.	01	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Không quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ PTTH trả tiền. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan báo chí sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu cơ quan báo chí sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, Truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.

B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	10 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho cơ quan báo chí về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp Giấy phép theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	03 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Phiếu trình Lãnh đạo Bộ đề xuất cấp Giấy chứng nhận/ văn bản không chấp thuận cấp Giấy phép.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	04 ngày làm việc	- Trình Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Phó Cục trưởng xác định không đáp ứng

				yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc chuyển chuyên viên phụ trách hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyển báo cáo Cục trưởng cho ý kiến. - Trình Cục trưởng cho ý kiến: + Trường hợp hồ sơ Cục trưởng xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Phó Cục trưởng báo cáo, Lãnh đạo Phòng PTTH giải trình hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Cục trưởng cho ý kiến; chuyển Phó Cục trưởng phụ trách: ký Phiếu trình của Cục trình Lãnh đạo Bộ VHTTDL, ký nháy Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B7	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xem xét hồ sơ do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	05 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Bộ VHTTDL ký Giấy phép/ văn bản không chấp thuận.
B8	- Giấy phép/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Bộ; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy phép/văn bản về phòng PTTH để theo dõi.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi

	- Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.			
B9	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu. - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.			
11	Đối tượng thực hiện			
	Cơ quan báo chí			
12	Cơ quan thực hiện			
	Bộ VH TTDL, Cục PTTH&TTĐT			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.			

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BIÊN TẬP
KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình (viết chữ in hoa):

.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: - Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình docấp ngày.....;
- Số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm... (áp dụng với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

2. Đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (bao gồm cả tên viết tắt):

.....
2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:

.....
2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/	Trong 01 tháng

					ngày	
1.						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (*Phim truyện/ Phim hoạt hình/ Tin tức/ Khoa học, giáo dục/ Tổng hợp/ Giải trí tổng hợp/ Thể thao/ Ca nhạc/...*):

2.7. Ngôn ngữ thể hiện:

2.8. Thời gian phát sóng/ ngày:

2.9. Thời lượng phát sóng/ ngày:

2.10. Độ phân giải hình ảnh: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

SDTV

☐

HDTV

☐

Khác

☐

(Ghi rõ nếu điền "khác")

(Cơ quan báo chí) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.

3. Đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (áp dụng với kênh chương trình phân phối qua đại lý ủy quyền tại Việt Nam):

3.1. Tên đại lý:

3.2. Địa chỉ trụ sở chính:

3.3. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền ... do....cấp.... ngày ... tháng ... năm ...

4. Năng lực của cơ quan báo chí đề nghị cấp phép bảo đảm yêu cầu về biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:

4.1. Nhân sự (yêu cầu kê khai rõ về số lượng nhân sự, trình độ chuyên môn báo chí, số thẻ nhà báo còn hiệu lực, trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép):

Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn báo chí		Số thẻ nhà báo	Trình độ ngoại ngữ (phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép)
			Trên đại học	Đại học		
...						

4.2. Năng lực về kỹ thuật (yêu cầu kê khai rõ về hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình):

4.3. Năng lực tài chính (nêu rõ dự toán chi phí biên tập, biên dịch trong vòng 01 năm, tổng vốn đầu tư, chi phí xây dựng cơ bản, chi phí thiết bị, chi phí bản quyền, và các khoản chi khác (nếu có)):

4.4. Địa điểm đặt thiết bị làm chậm và thực hiện việc biên tập:

5. Quy trình biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:

.....

6. Phương thức thu, truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình nước ngoài:

6.1. Phương thức thu tín hiệu kênh chương trình:

6.2. Phương thức truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình sau khi thực hiện biên tập, biên dịch cho các đơn vị sử dụng kênh:

7. Người chịu trách nhiệm nội dung biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài (phải là lãnh đạo cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình):

.....

8. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

9. Cam kết:

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) cam kết:

9.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

9.2. Nếu được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

Xác nhận của cơ quan chủ quản
(Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát
thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành)
(Ký tên đóng dấu)

**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt
động phát thanh/ truyền hình đề nghị
cấp phép**
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

15. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.000819

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Hồ sơ đăng ký lần đầu thực hiện cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Cục PTTH&TTĐT có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. - Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Cục PTTH&TTĐT: - Trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục PTTH&TTĐT có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Cục PTTH&TTĐT có văn bản trả lời nêu rõ lý do.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Tờ khai đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 05/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023.	01	Bản chính

4.2	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đăng ký.	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu	
4.3	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu.	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Không quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ PTTH trả tiền kèm theo hồ sơ cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của doanh nghiệp. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Quản lý dịch vụ phối hợp phòng Phát thanh, Truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.

B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	06 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	03 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Giấy chứng nhận/ văn bản.

B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	04 ngày làm việc	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Cục cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Cục ký ban hành Giấy chứng nhận/văn bản.
B7	- Giấy chứng nhận/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Cục; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức đồng thời trả 01 giấy chứng nhận về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	Văn thư Cục, chuyên viên Phòng PTTH	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi
B8	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số			

	06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.
10	Biểu mẫu Tờ khai đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 05/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023.
11	Đối tượng thực hiện Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
12	Cơ quan thực hiện Cục PTTH&TTĐT
13	Kết quả thực hiện Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20..

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ/ SỬA ĐỔI/ BỔ SUNG
DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Tên doanh nghiệp (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sốdo.. ..cấp.....lần
đầu ngày thángnăm...cấp.....ngày.....tháng...năm.....

- Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh,
truyền hình trả tiền số....do...cấp ngày.....tháng.....năm... (áp dụng đối với trường hợp
sửa đổi, bổ sung)

**1. Đăng ký danh mục/ bổ sung, sửa đổi danh mục kênh chương trình trên dịch
vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:**

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép)	ĐỘ PHẦN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
I	Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia						
1	Ví dụ: VTV1	Đài Truyền hình Việt Nam		Thời sự -chính trị tổng hợp	01/GP- BTTTT ngày 01/01/2011	SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của

							doanh nghiệp
II	Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương						
2	Ví dụ: HTV9	Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh		Thời sự - chính trị tổng hợp		SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
III	Các kênh chương trình trong nước khác						
3	Ví dụ: VTV3	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao – Giải trí		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
IV	Kênh chương trình nước ngoài						
4	Ví dụ: ESPN	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình,

							Ninh Bình, Phú Thọ, ..
--	--	--	--	--	--	--	---------------------------------

2. Đăng ký kênh chương trình cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1							
...							

3. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (tên doanh nghiệp) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (tên doanh nghiệp) cam kết cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình đã được ghi tại Giấy chứng nhận và thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

16. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.000805

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Cục PTTH&TTĐT. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục PTTH&TTĐT có trách nhiệm xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận, Cục PTTH&TTĐT có văn bản trả lời nêu rõ lý do.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Tờ khai sửa đổi, bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 05/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023.	01	Bản chính
4.2	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kengm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình trên	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kem bản gốc để đối chiếu

	dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đăng ký.			
4.3	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu.	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
7	Phí/Lệ phí: Không quy định.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ PTTH trả tiền của doanh nghiệp. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa	1/2 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.
B2	Lãnh đạo Cục phân công phòng chuyên môn – phòng Phát thanh, Truyền hình (PTTH) xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng PTTH giao chuyên viên Chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên phụ trách thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	06 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Chuyên viên xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần

				giải trình, bổ sung: Chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ, chuyên Lãnh đạo Phòng PTTH xem xét, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Cục phê duyệt. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Chuyên viên thực hiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo quy định.
B5	Lãnh đạo Phòng PTTH thẩm định, xử lý hồ sơ chuyên viên trình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	03 ngày	- Trường hợp hồ sơ cấp phép Lãnh đạo Phòng PTTH xác định không đáp ứng yêu cầu hoặc cần giải trình, bổ sung: Chuyên viên phụ trách giải trình hoặc sửa đổi, hiệu chỉnh hoặc hoàn thiện lại hồ sơ theo yêu cầu. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lãnh đạo Phòng PTTH ký Phiếu trình của Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục, ký nháy Giấy chứng nhận/ văn bản.
B6	Phòng PTTH trình Lãnh đạo Cục PTTH&TTĐT xem xét thông qua hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	04 ngày	- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Lãnh đạo Cục cho ý kiến và trả lại yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Lãnh đạo Cục ký ban hành Giấy chứng nhận/văn bản.
B7	- Giấy chứng nhận/văn bản được trả về từ bộ phận văn thư của Cục; vào sổ, lưu hồ sơ điện tử và trả kết quả cho cơ quan, tổ chức	Văn thư Cục, chuyên	1/4 ngày	Nhận kết quả, thống kê và theo dõi

	đồng thời trả 01 giấy chứng nhận về phòng PTTH để theo dõi. - Chuyên viên được phân công có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC.	viên Phòng PTTH		
B8	Văn thư Cục lưu hồ sơ theo quy định.	Văn thư Cục	1/4 ngày	Lưu hồ sơ
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.			
10	Biểu mẫu			
	Tờ khai sửa đổi, bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 05/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023.			
11	Đối tượng thực hiện			
	Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền			

12	Cơ quan thực hiện
	Cục PTTH&TTĐT
13	Kết quả thực hiện
	Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20..

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ/ SỬA ĐỔI/ BỔ SUNG
DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Tên doanh nghiệp (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sốdo.. ..cấp.....lần
đầu ngày thángnăm...cấp.....ngày.....tháng...năm.....

- Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh,
truyền hình trả tiền số....do...cấp ngày.....tháng.....năm... (áp dụng đối với trường hợp
sửa đổi, bổ sung)

**1. Đăng ký danh mục/ bổ sung, sửa đổi danh mục kênh chương trình trên dịch
vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:**

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép)	ĐỘ PHẦN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
I	Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia						
1	Ví dụ: VTV1	Đài Truyền hình Việt Nam		Thời sự -chính trị tổng hợp	01/GP- BTTTT ngày 01/01/2011	SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của

							doanh nghiệp
II	Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương						
2	Ví dụ: HTV9	Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh		Thời sự - chính trị tổng hợp		SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
III	Các kênh chương trình trong nước khác						
3	Ví dụ: VTV3	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao – Giải trí		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
IV	Kênh chương trình nước ngoài						
4	Ví dụ: ESPN	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình,

							Ninh Bình, Phú Thọ, ..
--	--	--	--	--	--	--	---------------------------------

2. Đăng ký kênh chương trình cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1							
...							

3. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (tên doanh nghiệp) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (tên doanh nghiệp) cam kết cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình đã được ghi tại Giấy chứng nhận và thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể

17. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.004330

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) - Là doanh nghiệp Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được sự chấp thuận về chủ trương của Thủ tướng Chính phủ; - Có phương án cung cấp dịch vụ phù hợp với quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình, quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình và các quy hoạch khác trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử; - Có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP; có xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP; - Có các phương án: Bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; dự báo và phân tích thị trường dịch vụ; kế hoạch kinh doanh và giá cước dịch vụ, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 (hai) năm đầu tiên; văn bản chứng minh vốn điều lệ hoặc văn bản giá trị tương đương đáp ứng yêu cầu triển khai cung cấp dịch vụ theo dự toán; - Có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài tập trung ở một địa điểm, trừ các kênh chương trình thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương, gồm: Thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, thiết bị quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung; - Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao; - Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước (trừ các kênh chương trình quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP), kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh,
----------	---

	truyền hình trả tiền kèm theo các văn bản chấp thuận của đơn vị cung cấp nội dung; - Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phù hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Doanh nghiệp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 01/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023.	01 bản	Bản chính
4.2	Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ: Loại hình, phạm vi cung cấp dịch vụ; phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trực tuyến và dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (nếu có); phương tiện thanh toán; dự kiến các điều khoản về quyền lợi, trách nhiệm của các bên trong ký kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ và các nội dung quy định tại các Điểm b, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP;	01 bản	Bản chính

	Đối với dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, trường hợp trên dịch vụ không cung cấp các kênh chương trình, chỉ cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu: Thực hiện kê khai theo biểu mẫu do cơ quan có thẩm quyền quy định, gồm các nội dung: Phạm vi, điều kiện kỹ thuật cung cấp dịch vụ; phương tiện thanh toán; quy trình giải quyết khiếu nại; dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên, dự kiến nhóm nội dung cung cấp trên dịch vụ; tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng Internet cung cấp dịch vụ;		
4.3	Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có mạng viễn thông trong thời gian Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có hiệu lực đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP; bản sao xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP; Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP không có mạng viễn thông phải có quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông hoặc giải pháp kỹ thuật bổ sung để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ;	01 bản	Bản chính
4.4	Hồ sơ đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định	01 bản	Bản chính

	tại Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP;			
4.5	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu, trừ trường hợp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet không cung cấp kênh chương trình.	01 bản	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Không.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Văn phòng Cục (Bộ phận Một cửa) tiếp nhận hồ sơ: - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Văn phòng Cục	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Cục chuyển Phòng QLĐV hồ sơ để giải quyết.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng QLĐV thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng QLĐV chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng QLĐV thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.

B4	Chuyên viên Phòng QLDV tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng QLDV, thực hiện thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	10 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Dự thảo Phiếu trình, Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B5	Chuyên viên trình Lãnh đạo Phòng QLDV kiểm tra và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký phiếu trình Lãnh đạo Cục, phiếu trình Lãnh đạo Bộ, trình Lãnh đạo Cục. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: ký tắt dự thảo văn bản trả lời, trình Lãnh đạo Cục.
B6	Phòng QLDV trình Lãnh đạo Cục phê duyệt hồ sơ, ký phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.	Lãnh đạo Cục	2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: + Trường hợp không đồng ý: Trả lại hồ sơ yêu cầu Phòng QLDV báo cáo, giải trình. + Trường hợp đồng ý: Ký phiếu trình LĐ Bộ, ký tắt Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục (Bộ phận văn thư) tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Cục, thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ hoặc cấp sổ văn bản trả lời.	Văn phòng Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: thực hiện thủ tục ban hành văn bản thông báo từ chối.
B8	Văn phòng Bộ tiếp nhận hồ sơ, dự thảo từ Cục	Văn phòng Bộ	1/2 ngày	- Thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.

	PTTH&TTĐT, thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ.		làm việc	
B9	Văn phòng Bộ trình Lãnh đạo Bộ hồ sơ cấp Giấy phép.	Lãnh đạo Bộ	05 ngày làm việc	- Trường hợp không đồng ý: Lãnh đạo Bộ trả lại hồ sơ yêu cầu Cục báo cáo, giải trình. - Trường hợp đồng ý: Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.
B10	Văn phòng Bộ thực hiện thủ tục phát hành Giấy phép.	Văn phòng Bộ	1/2 ngày làm việc	Thực hiện thủ tục ban hành Giấy phép.
B11	Văn phòng Cục nhận hồ sơ lưu từ Văn phòng Bộ, lưu và chuyển Phòng QLDV.	Văn phòng Cục	1/2 ngày làm việc	Nhận kết quả và lưu hồ sơ - Gửi Giấy phép đã ký, đóng dấu cho doanh nghiệp. - Chuyển hồ sơ lưu cho Phòng QLDV.
B12	Phòng QLDV lưu trữ hồ sơ, thực hiện chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh (nếu có).	Chuyên viên Phòng QLDV	1/2 ngày làm việc	- Chuyên viên Phòng QLDV thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh. - Chuyên viên Phòng QLDV nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC.
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009; - Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;			

	- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016, quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016, quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.
10	Biểu mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 01/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023.
11	Đối tượng thực hiện Doanh nghiệp
12	Cơ quan thực hiện Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm 20..

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên doanh nghiệp (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số...do....cấp ngày....tháng....năm....¹

- Giấy phép Thiết lập mạng viễn thông công cộng số ...do....cấp ngày....tháng...năm/
Văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông số...giữa...và..., ký ngày...
/Giấy chứng nhận đăng ký tên miền .vn số ... do... cấp ngày... hoặc địa chỉ Internet xác định.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sốdo....cấp ngày.....tháng.....năm....(áp dụng với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung).

2. Đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

2.1. Loại hình dịch vụ (đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

¹ Kê khai số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ số Giấy chứng nhận đầu tư mới nhất đang có hiệu lực.

<i>Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số</i>	☐
<i>Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự</i>	☐
<i>Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số</i>	☐
<i>Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV</i>	☐
<i>Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh</i>	☐
<i>Dịch vụ truyền hình di động</i>	☐
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet</i>	☐

2.2. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát tập trung các kênh chương trình:

2.2.1.² Địa điểm chính:.....

2.2.2.³ Địa điểm dự phòng:.....

2.2.3.⁴ Các địa điểm trung tâm thu phát chuyển tiếp tại địa phương:.....

2.3. Thông số về kỹ thuật:

2.3.1. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh (*đối với từng loại dịch vụ*):
.....

2.3.2. Tiêu chuẩn truyền dẫn/ phát sóng (*đối với từng loại dịch vụ*):
.....

2.3.3.⁵ Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung (*đối với từng loại dịch vụ*):
.....

2.3.4.⁶ Tần số phát sóng (*áp dụng với dịch vụ có sử dụng tần số vô tuyến điện*):
.....

² Kê khai địa điểm đặt các trang thiết bị kỹ thuật tiếp nhận và xử lý tín hiệu phát thanh, truyền hình trước khi đưa vào mạng truyền dẫn để cung cấp đến thuê bao.

³ Kê khai tất cả địa điểm dự phòng, là các địa điểm đặt các trang thiết bị kỹ thuật, có thực hiện việc tiếp nhận và xử lý tín hiệu, đóng vai trò dự phòng cho Trung tâm thu phát chính.

⁴ Kê khai các địa điểm đặt thiết bị thu phát, chuyển tiếp tín hiệu từ Trung tâm thu phát chính tới thuê bao trong quá trình cung cấp dịch vụ.

⁵ Kê khai đầy đủ các hệ thống kỹ thuật khóa mã để bảo vệ nội dung.

⁶ Kê khai tần số vô tuyến điện đối với dịch vụ sử dụng tần số vô tuyến điện được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Đối với dịch vụ không sử dụng tần số vô tuyến điện thì ghi “không sử dụng”.

2.3.5.⁷ Khả năng chen/ thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương (*đối với từng loại dịch vụ*):

.....

2.3.6.⁸⁸ *Các nội dung khác*:

2.4. Thông số về cung cấp dịch vụ (*đối với từng loại dịch vụ*)

2.4.1. Phạm vi:

2.4.2. Đối tượng:

2.4.3.⁹ Phương thức quản lý thuê bao:

2.4.4. Chất lượng dịch vụ (*quy trình áp dụng các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ*):

2.4.5.¹⁰ Nội dung thông tin (*dự kiến danh mục nội dung*):.....

⁷ Ghi “Có” đối với các dịch vụ có khả năng chen kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương. Ghi “Không” đối với dịch vụ không tách/ ghép kênh tại địa phương hoặc dịch vụ không cung cấp kênh chương trình.

⁸ Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu, không cung cấp kênh chương trình, kê khai: (1) Độ phân giải hình ảnh và tốc độ tín hiệu hình ảnh; tốc độ tín hiệu âm thanh; (2) Tên, biểu tượng dịch vụ (logo) không quá 10 ký tự; (3) những tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý và ứng dụng Internet (app) phục vụ cung cấp dịch vụ; (4) Số lượng trang thiết bị, tính năng kỹ thuật của từng khối chức năng (xử lý tín hiệu, xác thực, khóa mã, quản lý thuê bao, tính cước, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, lưu trữ, truyền dẫn,...) đáp ứng số lượng và chất lượng nội dung dự kiến cung cấp. Đối với các loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình có cung cấp kênh chương trình: Chỉ kê khai độ phân giải hình ảnh và tốc độ tín hiệu hình ảnh; tốc độ tín hiệu âm thanh; Tên, biểu tượng dịch vụ (logo) không quá 10 ký tự.

⁹ Kê khai về phương thức thu thập và lưu trữ thông tin người sử dụng dịch vụ; những phương tiện thanh toán cước phí thuê bao dịch vụ; quy trình giải quyết khiếu nại và dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên trong cung cấp dịch vụ.

¹⁰ Đối với dịch vụ cung cấp kênh chương trình, kê khai theo nhóm kênh chương trình tại mục 1, Biểu mẫu 05/ DVTHTT Thông tư và nội dung theo yêu cầu (nếu có) trong ba nhóm nội dung sau: (1) chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội; (2) phim; (3) chương trình thể thao, giải trí. Đối với dịch vụ chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu, kê khai nội dung dự kiến được phân loại theo ba nhóm nội dung: (1) chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội; (2) phim; (3) chương trình thể thao, giải trí.

2.5. Tài liệu kèm theo¹¹:

(1).....

(2).....

2.6. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

2.6.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và các tài liệu kèm theo.

2.6.2. Nếu được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, *(tên doanh nghiệp)* sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình và các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng đề nghị cụ thể của doanh nghiệp. Ký tên, đóng dấu được hiểu là ký thường hoặc ký số.

¹¹ (1) Văn bản xác nhận quyền sở hữu trí tuệ hoặc văn bản cam kết trách nhiệm của doanh nghiệp đối với tên, biểu tượng dịch vụ (logo) và tên, biểu tượng ứng dụng (app) cung cấp dịch vụ; (2) Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet: Cung cấp văn bản xác nhận quyền sử dụng tên miền “.vn” hoặc dải địa chỉ IP do Việt Nam quản lý để cung cấp dịch vụ. (3) Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu: Sơ đồ kỹ thuật hệ thống cung cấp dịch vụ, kèm theo thuyết minh sơ đồ kỹ thuật để làm rõ quá trình cung cấp dịch vụ từ Trung tâm thu phát qua mạng truyền dẫn nội dung đến thuê bao.

18. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.004321

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)			
	Không quy định			
2	Cách thức thực hiện			
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
3	Trình tự thực hiện			
	Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VH TT DL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử). Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VH TT DL có trách nhiệm xét cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ VH TT DL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.			
4	Thành phần hồ sơ		Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.		01 bản	Bản chính
4.2	Bản thuyết minh nội dung thay đổi.		01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: không.			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm

B1	Văn phòng Cục (Bộ phận Một cửa) tiếp nhận hồ sơ: - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Văn phòng Cục	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Cục chuyển Phòng QLDV hồ sơ để giải quyết.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng QLDV thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng QLDV chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng QLDV thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng QLDV tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng QLDV, thực hiện thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	05 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Dự thảo Phiếu trình, Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B5	Chuyên viên trình Lãnh đạo Phòng QLDV kiểm tra và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1 ½ ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký phiếu trình Lãnh đạo Cục, phiếu trình Lãnh đạo Bộ, trình Lãnh đạo Cục. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: ký tắt dự thảo văn bản trả lời, trình Lãnh đạo Cục.
B6	Phòng QLDV trình Lãnh đạo Cục phê duyệt hồ sơ, ký phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.	Lãnh đạo Cục	01 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện:

				+ Trường hợp không đồng ý: Trả lại hồ sơ yêu cầu Phòng QLĐV báo cáo, giải trình. + Trường hợp đồng ý: Ký phiếu trình LĐ Bộ, ký tắt Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục (Bộ phận văn thư) tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Cục, thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ hoặc cấp số văn bản trả lời.	Văn phòng Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: thực hiện thủ tục ban hành văn bản thông báo từ chối.
B8	Văn phòng Bộ tiếp nhận hồ sơ, dự thảo từ Cục PTTH&TTĐT, thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ.	Văn phòng Bộ	1/2 ngày làm việc	- Thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.
B9	Văn phòng Bộ trình Lãnh đạo Bộ hồ sơ cấp Giấy phép.	Lãnh đạo Bộ	01 ngày làm việc	- Trường hợp không đồng ý: Lãnh đạo Bộ trả lại hồ sơ yêu cầu Cục báo cáo, giải trình. - Trường hợp đồng ý: Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.
B10	Văn phòng Bộ thực hiện thủ tục phát hành Giấy phép.	Văn phòng Bộ	1/2 ngày làm việc	Thực hiện thủ tục ban hành Giấy phép.
B11	Văn phòng Cục nhận hồ sơ lưu từ Văn phòng Bộ, lưu và chuyển Phòng QLĐV.	Văn phòng Cục	1/4 ngày làm việc	- Nhận kết quả và lưu hồ sơ - Gửi Giấy phép đã ký, đóng dấu cho doanh nghiệp. - Chuyển hồ sơ lưu cho Phòng QLĐV.

B12	Phòng QLDV lưu trữ hồ sơ, thực hiện chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh (nếu có).	Chuyên viên Phòng QLDV	1/4 ngày làm việc	- Chuyên viên Phòng QLDV thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh. - Chuyên viên Phòng QLDV nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC.
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009; - Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016, quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016, quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.			
10	Biểu mẫu			
	Không quy định			
11	Đối tượng thực hiện			
	Doanh nghiệp			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do			

19. Tên thủ tục: Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.004233

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	- Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép phải gửi văn bản đề nghị gia hạn. - Giấy phép được gia hạn không quá 01 lần và có hiệu lực không quá 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP; xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Văn bản đề nghị gia hạn, nêu rõ thời hạn gia hạn.	01 bản	Bản chính

4.2	Bản sao Giấy phép hoặc cung cấp số Giấy phép đã được cấp.	01 bản	Bản sao	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Văn phòng Cục (Bộ phận Một cửa) tiếp nhận hồ sơ: - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Văn phòng Cục	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Cục chuyển Phòng QLĐV hồ sơ để giải quyết.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Phòng QLĐV thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng QLĐV chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng QLĐV thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng QLĐV tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng QLĐV, thực hiện thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	06 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Dự thảo Phiếu trình, Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

B5	Chuyên viên trình Lãnh đạo Phòng QLDV kiểm tra và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	02 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký phiếu trình Lãnh đạo Cục, phiếu trình Lãnh đạo Bộ, trình Lãnh đạo Cục. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: ký tắt dự thảo văn bản trả lời, trình Lãnh đạo Cục.
B6	Phòng QLDV trình Lãnh đạo Cục phê duyệt hồ sơ, ký phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.	Lãnh đạo Cục	1 ½ ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: + Trường hợp không đồng ý: Trả lại hồ sơ yêu cầu Phòng QLDV báo cáo, giải trình. + Trường hợp đồng ý: Ký phiếu trình LĐ Bộ, ký tắt Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục (Bộ phận văn thư) tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Cục, thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ hoặc cấp số văn bản trả lời.	Văn phòng Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: thực hiện thủ tục ban hành văn bản thông báo từ chối.
B8	Văn phòng Bộ tiếp nhận hồ sơ, dự thảo từ Cục PTTH&TTĐT, thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ.	Văn phòng Bộ	1/2 ngày làm việc	- Thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.
B9	Văn phòng Bộ trình Lãnh đạo Bộ hồ sơ cấp Giấy phép.	Lãnh đạo Bộ	2 ½ ngày	- Trường hợp không đồng ý: Lãnh đạo Bộ trả

			làm việc	lại hồ sơ yêu cầu Cục báo cáo, giải trình. - Trường hợp đồng ý: Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.
B10	Văn phòng Bộ thực hiện thủ tục phát hành Giấy phép.	Văn phòng Bộ	1/2 ngày làm việc	Thực hiện thủ tục ban hành Giấy phép.
B11	Văn phòng Cục nhận hồ sơ lưu từ Văn phòng Bộ, lưu và chuyển Phòng QLDV.	Văn phòng Cục	1/2 ngày làm việc	Nhận kết quả và lưu hồ sơ - Gửi Giấy phép đã ký, đóng dấu cho doanh nghiệp. - Chuyển hồ sơ lưu cho Phòng QLDV.
B12	Phòng QLDV lưu trữ hồ sơ, thực hiện chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh (nếu có).	Chuyên viên Phòng QLDV	1/2 ngày làm việc	- Chuyên viên Phòng QLDV thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh. - Chuyên viên Phòng QLDV nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC.
9	Cơ sở pháp lý - Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009; - Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;			

	- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.
10	Biểu mẫu
	Không quy định
11	Đối tượng thực hiện
	Doanh nghiệp
12	Cơ quan thực hiện
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện
	Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

20. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Mã số TTHC: 1.004230

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Không quy định		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử). - Trong thời hạn 08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm xét cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép (nêu rõ số Giấy phép, ngày cấp của Giấy phép đã cấp và lý do đề nghị cấp lại Giấy phép).	01 bản	Bản chính

4.2	Bản sao Giấy phép hoặc cung cấp số Giấy phép đã được cấp.	01 bản	Bản sao	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Văn phòng Cục (Bộ phận Một cửa) tiếp nhận hồ sơ: - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Văn phòng Cục	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Cục chuyển Phòng QLĐV hồ sơ để giải quyết.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Phòng QLĐV thụ lý hồ sơ.
B3	Lãnh đạo Phòng QLĐV chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng QLĐV thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng QLĐV tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng QLĐV, thực hiện thẩm tra, xử lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Dự thảo Phiếu trình, Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

B5	Chuyên viên trình Lãnh đạo Phòng QLDV kiểm tra và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký phiếu trình Lãnh đạo Cục, phiếu trình Lãnh đạo Bộ, trình Lãnh đạo Cục. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: ký tắt dự thảo văn bản trả lời, trình Lãnh đạo Cục.
B6	Phòng QLDV trình Lãnh đạo Cục phê duyệt hồ sơ, ký phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: + Trường hợp không đồng ý: Trả lại hồ sơ yêu cầu Phòng QLDV báo cáo, giải trình. + Trường hợp đồng ý: Ký phiếu trình LĐ Bộ, ký tắt Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục (Bộ phận văn thư) tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Cục, thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ hoặc cấp số văn bản trả lời.	Văn phòng Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: thực hiện thủ tục ban hành văn bản thông báo từ chối.
B8	Văn phòng Bộ tiếp nhận hồ sơ, dự thảo từ Cục PTT&TTĐT, thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ.	Văn phòng Bộ	1/4 ngày làm việc	- Thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.
B9	Văn phòng Bộ trình Lãnh đạo Bộ hồ sơ cấp Giấy phép.	Lãnh đạo Bộ	01 ngày làm việc	- Trường hợp không đồng ý: Lãnh đạo Bộ trả lại hồ sơ yêu cầu Cục báo cáo, giải trình.

				- Trường hợp đồng ý: Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép.
B10	Văn phòng Bộ thực hiện thủ tục phát hành Giấy phép.	Văn phòng Bộ	1/4 ngày làm việc	Thực hiện thủ tục ban hành Giấy phép.
B11	Văn phòng Cục nhận hồ sơ lưu từ Văn phòng Bộ, lưu và chuyển Phòng QLĐV.	Văn phòng Cục	1/4 ngày làm việc	Nhận kết quả và lưu hồ sơ - Gửi Giấy phép đã ký, đóng dấu cho doanh nghiệp. - Chuyển hồ sơ lưu cho Phòng QLĐV.
B12	Phòng QLĐV lưu trữ hồ sơ, thực hiện chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh (nếu có).	Chuyên viên Phòng QLĐV	1/4 ngày làm việc	- Chuyên viên Phòng QLĐV thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh. - Chuyên viên Phòng QLĐV nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC.
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009; - Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;			

	- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.
10	Biểu mẫu
	Không quy định
11	Đối tượng thực hiện
	Doanh nghiệp
12	Cơ quan thực hiện
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện
	Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

21. Tên thủ tục: Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình**Mã số TTHC: 1.004104****Nội dung cụ thể:**

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)			
	Không quy định			
2	Cách thức thực hiện			
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
3	Trình tự thực hiện			
	- Đơn vị cung cấp dịch vụ gửi hồ sơ công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VH TTDL).			
4	Thành phần hồ sơ		Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;		01 bản	Bản chính
4.2	Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;		01 bản	Bản chính
4.3	Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.		01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm

B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&QLDV tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng QLDV thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng QLDV giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/4 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng QLDV tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng QLDV kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng QLDV trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối	Chuyên viên	1/2 ngày	- Giấy phép đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.

	cấp Giấy phép (trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng QLĐV nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC		làm việc	
9	Cơ sở pháp lý			
	- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15/11/2016 quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.			
10	Biểu mẫu			
	- Công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo mẫu tại Phụ lục I của Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT; - Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT; - Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo mẫu tại Phụ lục III của Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT.			
11	Đối tượng thực hiện			
	Doanh nghiệp			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.			

Phụ lục I

ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

V/v công bố chất lượng dịch vụ
phát thanh, truyền hình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1. Tên đơn vị cung cấp dịch vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Website:

E-mail:

2. Công bố chất lượng:

Dịch vụ: ...*(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất)* ...

Phương thức cung cấp dịch vụ (*quảng bá/ trả tiền*)

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng (*số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*): ...

Dịch vụ: ...*(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai – nếu có)* ...

Phương thức cung cấp dịch vụ (*quảng bá/ trả tiền*)

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng (*số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*):

.....

3. Tài liệu kèm theo:

a) Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình số ... ngày... tháng ... năm...;

b) Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

4. *(Đơn vị cung cấp dịch vụ)* cam kết:

a) Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

b) Đảm bảo chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình như mức công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

- Lưu ...

Đơn vị cung cấp dịch vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

ĐƠN VỊ
CUNG CẤP DỊCH VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH
Số

Đơn vị cung cấp dịch vụ:
.....

Địa chỉ:
.....

Điện thoại: Fax:
.....

Website:
.....

Email:
.....

CÔNG BỐ

Chất lượng dịch vụ: ...*(tên dịch vụ thứ nhất)*

Phương thức cung cấp dịch vụ (*quảng bá/ trả tiền*)

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*): ... (Danh mục các chỉ tiêu chất lượng kèm theo).

Thông tin bổ sung (nếu có):

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

*(Kèm theo bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình sốngày ... tháng...
năm của...(tên đơn vị cung cấp dịch vụ)...)*

Dịch vụ: ...*(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất)...*

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia <i>(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)</i>	Mức công bố	Ghi chú
1				
2				
...				

Dịch vụ: ...*(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai – nếu có)...*

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia <i>(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)</i>	Mức công bố	Ghi chú
1				
2				
...				

Dịch vụ: ...*(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ n – nếu có)...*

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia <i>(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)</i>	Mức công bố	Ghi chú

1				
2				
...				

....., ngày ... tháng ... năm.....

Đơn vị cung cấp dịch vụ

22. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

Mã số TTHC: 2.001082

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	a) Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ và nội dung thông tin cung cấp; b) Đã đăng ký sử dụng tên miền để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định 147/2024/NĐ-CP; c) Đáp ứng các điều kiện về tổ chức, nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại Điều 27 Nghị định 147/2024/NĐ-CP; d) Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định 147/2024/NĐ-CP.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;	01 bản	Bản chính
4.2	Một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ giấy	01 bản	Bản sao

	chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể); Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp		
4.3	Đề án hoạt động có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mục đích cung cấp thông tin, nội dung thông tin, các chuyên mục dự kiến, nguồn tin, bản in trang chủ và các trang chuyên mục chính; phương án nhân sự, kỹ thuật, quản lý nội dung, thông tin bảo đảm hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp phù hợp với các quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 25 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam; trường hợp liên kết với cơ quan báo chí để sản xuất nội dung cần nêu rõ tỷ lệ tin bài liên kết, cơ chế hợp tác, sản xuất, biên tập, cơ chế kiểm duyệt tin bài, đăng phát trên trang thông tin điện tử tổng hợp	01 bản	Bản chính
4.4	Bản in/bản scan màu giao diện trang chủ và các trang chuyên mục chính; trang chủ phải có đầy đủ thông tin dự kiến theo quy định tại khoản 9 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP	01 bản	Bản chính
4.5	Văn bản thỏa thuận hợp tác nguồn tin giữa trang thông tin điện tử tổng hợp và cơ quan báo chí cần có các thông tin cơ bản sau: Thời hạn thỏa thuận; phạm vi nội dung được dẫn lại; trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin mỗi bên (cơ quan báo chí có trách nhiệm thông báo cho trang thông tin điện tử tổng hợp để kịp thời cập nhật thông tin đã sửa đổi);	01 bản	Bản sao

	Đối với văn bản thỏa thuận hợp tác để liên kết sản xuất nội dung giữa trang thông tin điện tử tổng hợp với cơ quan báo chí phải ghi rõ: Cơ chế hợp tác sản xuất tin bài, cơ quan báo chí chịu trách nhiệm về nội dung các tin bài trong phạm vi liên kết; lĩnh vực hợp tác sản xuất nội dung (tuân thủ quy định tại điểm c khoản 5 Điều 24 Nghị định 147/2024/NĐ-CP) và cam kết tuân thủ các quy định tại điểm g khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.			
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc (			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	6,5 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Giấy phép

				- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	01 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép (trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/2 ngày làm việc	- Giấy phép đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng			
10	Biểu mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện Tổ chức cơ quan báo chí, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ			

	chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VH TTDL/VHTT
12	Cơ quan thực hiện
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VH TTDL
13	Kết quả thực hiện
	Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:

Phần I. Thông tin chung

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...
3. Địa chỉ trụ sở chính:...

Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):....

4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

5. Điện thoại/Fax:

- Website

- Thư điện tử:....

Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1. Tên trang (nếu có):
2. Mục đích thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:
3. Nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp; các chuyên mục, loại hình thông tin:...
4. Đối tượng phục vụ:
5. Nguồn tin:
6. Tên cơ quan báo chí, lĩnh vực thông tin liên kết (nếu có hoạt động hợp tác liên kết với cơ quan báo chí sản xuất tin bài):
7. Phương thức cung cấp thông tin:

- a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:
- b) Qua ứng dụngphân phối trên kho ứng dụng...
8. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet:
9. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:
10. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp:
- a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:
- Họ và tên:
 - Chức danh:
 - Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):
- b) Nhân sự quản lý nội dung:
- Họ và tên:
 - Chức danh:
 - Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):
11. Thời gian đề nghị cấp phép:nămtháng.
12. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép):

Phần III. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần IV. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.
3. Xây dựng quy trình quản lý nội dung, thông tin tổng hợp, kịp thời cập nhật, điều chỉnh các nội dung dẫn lại khi nội dung nguồn thay đổi; gỡ bỏ ngay nội dung thông tin đã tổng hợp khi nguồn thông tin được trích dẫn gỡ bỏ nội dung thông tin đó theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Báo chí và khoản 3 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

4. Kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải không vi phạm bản quyền; có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng về nội dung, dịch vụ; nội dung dẫn lại (theo thỏa thuận bằng văn bản giữa trang thông tin điện tử tổng hợp với cơ quan báo chí) không sớm hơn 01 giờ tính từ thời điểm phát hành nội dung nguồn theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

5. Không cho đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được dẫn lại; nội dung tổng hợp ghi rõ tên tác giả và tên nguồn tin (viết đầy đủ tên nguồn tin), thời gian đã đăng, phát thông tin đó, đặt đường dẫn liên kết đến bài viết nguồn ngay cuối bài dẫn lại theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

6. Đảm bảo kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ VHTTDL để phục vụ cho việc theo dõi đăng tải tin bài trên trang thông tin điện tử tổng hợp và thống kê lượng người sử dụng truy cập khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

7. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ nội dung vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản, điện thoại, hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Bộ Công an, Sở VHTTDL/VHTT và các cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành hoặc khi tự phát hiện vi phạm; thực hiện việc xử lý các yêu cầu, khiếu nại về sở hữu trí tuệ theo các quy định của pháp luật của Việt Nam về sở hữu trí tuệ; gỡ ngay nội dung dẫn lại (không chậm hơn 03 giờ) sau khi nội dung nguồn bị gỡ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

8. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

9. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
-

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

23. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

Mã số TTHC: 1.002769

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong những trường hợp sau: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên trang (nếu có); thay đổi, bổ sung nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp, phương thức cung cấp thông tin (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng)		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;	01 bản	Bản chính
4.2	Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có)	01 bản	Bản sao
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		

7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc (			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép.

				- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép (trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Giấy phép đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý			
	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện			
	Tổ chức cơ quan báo chí, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VH TTDL/VHTT			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VH TTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do			

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP THIẾT LẬP
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

Phần I. Thông tin chung

1. Tên cơ quan chủ quản:.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):.....
4. Điện thoại/fax:
- Website
- Thư điện tử:.....
5. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được sửa đổi, bổ sung: Giấy phép (tên giấy phép)... số cấp ngày thángnăm
6. Phương thức cung cấp thông tin:
 - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang:
 - b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng:

Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần III. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần IV. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Cơ quan chủ quản (nếu có);
-

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)).

24. Tên thủ tục: Gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
Mã số TTHC: 2.001789

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép thực hiện thủ tục Gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.	01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định		
8	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép.

				- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép (trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Giấy phép đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng			
10	Biểu mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện Tổ chức cơ quan báo chí, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT			
12	Cơ quan thực hiện Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện Giấy phép gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do			

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THIẾT LẬP
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:

Phần I. Thông tin chung

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có): ...
4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
5. Điện thoại/Fax:
- Website
- Thư điện tử:...
6. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được gia hạn: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số cấp ngàythángnăm

Phương thức cung cấp thông tin:

- a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang:
- b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng:

Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn giấy phép

- Lý do đề nghị gia hạn
- Thời hạn đề nghị được gia hạn: năm tháng

Phần III. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần IV. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
-

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)).

25. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

Mã số TTHC: 2.001106

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.	01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định		
8	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép.

				- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép (trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Giấy phép đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng			
10	Biểu mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện Tổ chức cơ quan báo chí, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT			
12	Cơ quan thực hiện Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do			

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THIẾT LẬP TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP

Kính gửi:.....

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:

Phần I. Thông tin chung

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....
 2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
 3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):.....
 4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
 5. Điện thoại/Fax:
- Website
- Thư điện tử:.....
 6. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được cấp lại: Giấy phép (tên giấy phép)... số cấp ngàythángnăm
- Phạm vi cung cấp thông tin:
- a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang:
 - b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng:
- ### Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại giấy phép
- Lý do đề nghị cấp lại
- ☐ Bị mất

- ☐ Bị rách
- ☐ Bị cháy
- ☐ Bị tiêu huỷ dưới hình thức khác (ghi rõ)

Phần III. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần IV. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
-

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)).

26. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Mã số TTHC: 2.002181

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	a) Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ và nội dung thông tin cung cấp; b) Đã đăng ký sử dụng tên miền để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định 147/2024/NĐ-CP; c) Đáp ứng các điều kiện về tổ chức, nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại Điều 27 Nghị định 147/2024/NĐ-CP; d) Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định 147/2024/NĐ-CP.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP	01 bản	Bản chính

4.2	Bản sao hợp lệ gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể). Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thông tin trao đổi trên mạng xã hội	01 bản	Bản sao
4.3	Đề án hoạt động có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mô tả chi tiết các dịch vụ (bao gồm dịch vụ có thu tiền và không thu tiền), giao diện trang chủ và giao diện trang dịch vụ, phạm vi; lĩnh vực thông tin trao đổi; phương án tổ chức nhân sự, kỹ thuật, quản lý nội dung, thông tin nhằm bảo đảm hoạt động của mạng xã hội phù hợp với các quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 147/NĐ-CP; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam	01 bản	Bản chính
4.4	Thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội có xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, phải có tối thiểu các nội dung sau: Các nội dung cam trao đổi, chia sẻ trên mạng xã hội; trách nhiệm của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội, trong đó ghi rõ trách nhiệm người sử dụng dịch vụ không được lợi dụng mạng xã hội để hoạt động báo chí không phép; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội; cơ chế xử lý đối với người sử dụng vi phạm thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã	01 bản	Bản chính

	hội; cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ các rủi ro khi lưu trữ, trao đổi và chia sẻ thông tin trên mạng; cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp giữa người sử dụng dịch vụ mạng xã hội với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội hoặc với tổ chức, cá nhân khác; cơ chế xử lý đối với khiếu nại của người sử dụng dịch vụ với thông tin ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do người sử dụng dịch vụ đăng tải trên mạng xã hội; công khai việc có hay không thu thập, xử lý các thông tin của người sử dụng dịch vụ trong thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội; mô tả biện pháp bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng dịch vụ trong việc cho phép thu thập thông tin của mình hoặc cung cấp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác; chính sách bảo vệ thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội			
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
8.1	Rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thụ lý hồ sơ (22 ngày)			
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ.

	sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ			- Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	01 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	17 ngày	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	01 ngày	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	02 ngày	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép. - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/2 ngày	- Phiếu trình đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
8.2	Trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép (03 ngày)			

B1	Lãnh đạo Bộ ký hồ sơ.	Lãnh đạo Bộ	02 ngày	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép. - Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Cho ý kiến và trả lại Cục xử lý theo ý kiến chỉ đạo
B2	Văn phòng Bộ: Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc trả lại hồ sơ cho Cục.	Chuyên viên	01 ngày	Giấy phép đã ký, đóng dấu hoặc hồ sơ trả về.
9	Cơ sở pháp lý			
	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do			

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
5. Điện thoại: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

Tên mạng xã hội (nếu có):

Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

Loại hình dịch vụ mạng xã hội: (dịch vụ tạo tài khoản, kênh cung cấp nội dung, trang thông tin điện tử cá nhân ...)

Đối tượng phục vụ:

Phương thức cung cấp dịch vụ:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:

b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng:

Quy trình quản lý:

Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet:

Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:

Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên:

- Chức danh:

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên:

- Chức danh:

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):

10. Thời gian đề nghị cấp phép:năm..... tháng.

11. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã được cấp phép):

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, (tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; tuân thủ nghiêm các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);

.....

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

CAM KẾT THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng ... năm...)

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:...
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
5. Điện thoại: Website

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.
2. Cung cấp dịch vụ mạng xã hội tuân thủ theo quy định của pháp luật và thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ với người sử dụng; mô tả quy trình, cách thức phân phối nội dung trên nền tảng mạng xã hội của mình và công bố công khai trong Thỏa thuận cung cấp dịch vụ/Tiêu chuẩn cộng đồng cho người sử dụng dịch vụ biết để lựa chọn sử dụng dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.
3. Bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng dịch vụ khi cho phép thông tin của mình được sử dụng cho mục đích quảng bá, truyền thông và cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

4. Không đăng tải hoặc cho thành viên (bao gồm cả nhân sự của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội) viết bài dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn và đăng tải lên mạng xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

5. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm. Thông báo đến người đăng tải nội dung bị khiếu nại: lý do nội dung bị tạm khóa hoặc xóa bỏ; có cơ chế để người có thông tin bị tạm khóa phản hồi lại theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

6. Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm quy định của pháp luật theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

7. Thực hiện việc tạm khóa hoặc khóa vĩnh viễn hoạt động đối với các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên đăng tải nội dung vi phạm pháp luật chậm nhất là 24 giờ khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

8. Cung cấp thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ công tác điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng theo quy định tại khoản 9 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

9. Thực hiện việc đăng ký, lưu trữ, xác thực và quản lý nội dung, thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định của pháp luật. Bảo đảm chỉ những người sử dụng đã cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định mới được đăng tải thông tin (viết bài, bình luận, livestream) và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. Thực hiện xóa thông tin của người sử dụng dịch vụ sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định tại khoản 11 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

10. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin, phổ biến quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến việc cung cấp, sử dụng Internet và thông tin trên mạng đến người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định tại khoản 12 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

11. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em theo quy định tại khoản 13 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

12. Kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ VHTTDL để phục vụ việc thống kê, theo dõi lượng người sử dụng, truy cập theo quy định tại khoản 14 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

13. Cung cấp công cụ tìm kiếm, rà quét nội dung theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 15 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

14. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 16 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

15. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu mọi hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ mạng xã hội nếu vi phạm quy định tại giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

27. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Mã số TTHC: 2.001168

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong những trường hợp sau: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên trang (nếu có); thay đổi tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng).		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 23 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP	01 bản	Bản chính
4.2	Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép	01 bản	Bản chính

5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
8.1	Rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thụ lý hồ sơ (3,5 ngày)			
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	1,5 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B5	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ.

	kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.		làm việc	- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B6	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép. - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Phiếu trình đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
8.2	Trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép (1,5 ngày)			
B7	Lãnh đạo Bộ ký hồ sơ.	Lãnh đạo Bộ	01 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép. - Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Cho ý kiến và trả lại Cục xử lý theo ý kiến chỉ đạo
B8	Văn phòng Bộ: Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc trả lại hồ sơ cho Cục.	Chuyên viên	1/2 ngày làm việc	Giấy phép đã ký, đóng dấu hoặc hồ sơ trả về.

9	Cơ sở pháp lý			
	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 23 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do			

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:....
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

5. Điện thoại: Website

6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội cần sửa đổi, bổ sung:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

2.....

3.....

Phần 4. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sửa đổi, bổ sung và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

XÁC NHẬN CỦA

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

28. Tên thủ tục: Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Mã số TTHC: 2.001169

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)			
	Giấy phép được gia hạn không quá 01 lần và không quá 02 năm.			
2	Cách thức thực hiện			
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
3	Trình tự thực hiện			
	Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép đã được cấp gửi văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép.			
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức	
4.1	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 26 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP	01 bản	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm

8.1	Rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thụ lý hồ sơ (3,5 ngày)			
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Lãnh đạo Cục chuyển cho Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	1,5 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.

B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép. - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Phiếu trình đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
8.2	Trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép (1,5 ngày)			
B1	Lãnh đạo Bộ ký hồ sơ.	Lãnh đạo Bộ	01 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép. - Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Cho ý kiến và trả lại Cục xử lý theo ý kiến chỉ đạo
B2	Văn phòng Bộ: Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc trả lại hồ sơ cho Cục.	Chuyên viên	1/2 ngày làm việc	Giấy phép đã ký, đóng dấu hoặc hồ sơ trả về.
9	Cơ sở pháp lý			
	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.			

	- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
10	Biểu mẫu
	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 26 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP
11	Đối tượng thực hiện
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT
12	Cơ quan thực hiện
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện
	Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN

GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:
2. Tên mạng xã hội (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
5. Điện thoại: Website
6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được gia hạn:
Giấy phép (*tên giấy phép*) số....cấp ngày tháng ...năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

Thời hạn đề nghị được gia hạn: năm tháng

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

XÁC NHẬN CỦA

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

29. Tên thủ tục: Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Mã số TTHC: 2.001167

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.	01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định		
8	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
8.1	Rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thụ lý hồ sơ (3,5 ngày)			
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	1,5 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B5	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.

B6	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Phiếu trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép. - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Phiếu trình đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
8.2	Trình Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép (1,5 ngày)			
B7	Lãnh đạo Bộ ký hồ sơ.	Lãnh đạo Bộ	01 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép. - Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Cho ý kiến và trả lại Cục xử lý theo ý kiến chỉ đạo
B8	Văn phòng Bộ: Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc trả lại hồ sơ cho Cục.	Chuyên viên	1/2 ngày làm việc	Giấy phép đã ký, đóng dấu hoặc hồ sơ trả về.
9	Cơ sở pháp lý			

	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
10	Biểu mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.
11	Đối tượng thực hiện Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT
12	Cơ quan thực hiện Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:
2. Tên mạng xã hội (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
5. Điện thoại: Website
6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được cấp lại:
Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngàythángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại

1. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được cấp lại
Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngày thángnăm
2. Lý do đề nghị cấp lại
 - ☐ Bị mất
 - ☐ Bị rách
 - ☐ Bị cháy

☐ Bị tiêu hủy dưới hình thức khác (ghi rõ)

Phần 3. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội được cấp lại.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

XÁC NHẬN CỦA

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

30. Tên thủ tục: Cấp Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Mã số TTHC: 2.002735

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	a) Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ và nội dung thông tin cung cấp; b) Đã đăng ký sử dụng tên miền để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định 147/2024/NĐ-CP; c) Đáp ứng các điều kiện về tổ chức, nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại Điều 27 Nghị định 147/2024/NĐ-CP; d) Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định 147/2024/NĐ-CP.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP	01 bản	Bản chính

4.2	Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể).	01 bản	Bản sao	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTT&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.

	thuộc Phòng thụ lý giải quyết.		làm việc	
B4	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: In Giấy xác nhận - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B5	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B6	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy xác nhận. - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc lấy số văn bản từ chối cấp Giấy ghi nhận (trong trường hợp từ chối cấp Giấy ghi nhận), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Giấy xác nhận đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.

	Số theo dõi kết quả thực hiện TTHC			
9	Cơ sở pháp lý			
	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.			
10	Biểu mẫu			
	Thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 21 tại Phụ lục Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hoặc văn bản trả lời từ chối cấp Giấy xác nhận và nêu rõ lý do			

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

Phần 1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ trụ sở giao dịch:...
- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
- Điện thoại: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội

1. Tên mạng xã hội (nếu có):
2. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:
3. Loại hình dịch vụ mạng xã hội: (dịch vụ tạo tài khoản, kênh (channel) cung cấp nội dung, trang thông tin điện tử cá nhân ...).....
4. Phương thức cung cấp dịch vụ:
 - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:
 - b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng:
5. Quy trình quản lý: ...
6. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet:
7. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:
8. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:
 - a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên:
- Chức danh:
- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên:
- Chức danh:
- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; tuân thủ nghiêm các quy định về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

XÁC NHẬN CỦA

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

31. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Mã số TTHC: 2.002736

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy xác nhận cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận trong những trường hợp sau: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên trang (nếu có); thay đổi tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng).		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.	01 bản	Bản chính
4.2	Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có)	01 bản	Bản chính

5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: In Giấy xác nhận - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ.

	kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.		làm việc	- Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy xác nhận. - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc lấy số văn bản từ chối cấp Giấy ghi nhận (trong trường hợp từ chối cấp Giấy ghi nhận), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Giấy xác nhận đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý			
	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			

11	Đối tượng thực hiện
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT
12	Cơ quan thực hiện
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện
	Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 21 tại Phụ lục Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hoặc văn bản trả lời từ chối cấp Giấy xác nhận và nêu rõ lý do

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY XÁC NHẬN
THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) thay đổi nội dung thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
5. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
6. Điện thoại: Website
7. Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội số:

Phần 2. Mô tả tóm tắt về thay đổi thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội

1. Nội dung thay đổi:
2. Lý do thay đổi:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; tuân thủ nghiêm các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

XÁC NHẬN CỦA

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

32. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mã số TTHC: 2.002737

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)			
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy xác nhận bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được			
2	Cách thức thực hiện			
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
3	Trình tự thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy xác nhận bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được thực hiện đề nghị cấp lại Giấy xác nhận.			
4	Thành phần hồ sơ		Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.		01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm

B1	Bộ phận Một cửa Cục PTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: In Giấy xác nhận - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B5	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B6	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy xác nhận. - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận: Ký văn bản thông báo từ chối.

B7	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc lấy số văn bản từ chối cấp Giấy ghi nhận (trong trường hợp từ chối cấp Giấy ghi nhận), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Giấy xác nhận đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.			
10	Biểu mẫu Không có			
11	Đối tượng thực hiện Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VH TTDL/VHTT			
12	Cơ quan thực hiện Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VH TTDL			
13	Kết quả thực hiện Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 21 tại Phụ lục Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hoặc văn bản trả lời từ chối cấp Giấy xác nhận và nêu rõ lý do			

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO CUNG CẤP
DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) thay đổi nội dung thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:
5. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
6. Điện thoại:Website.....
7. Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội số:

Phần 2. Mô tả tóm tắt về thay đổi thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội

1. Nội dung thay đổi:
2. Lý do thay đổi:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin; tuân thủ nghiêm các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu:

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

33. Tên thủ tục: Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

Mã số TTHC: 1.002044

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp; có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được; b) Đã đăng ký tên miền sử dụng để cung cấp dịch vụ; c) Có đủ khả năng tài chính, tổ chức, nhân sự quản trị trò chơi điện tử phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp; d) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình trên hệ thống ứng dụng trò chơi (tài khoản game); đ) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin của người chơi tại Việt Nam bao gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số điện thoại di động tại Việt Nam. Thực hiện việc xác thực tài khoản người chơi bằng số điện thoại di động tại Việt Nam, bảo đảm chỉ những tài khoản đã xác thực mới được tham gia chơi trò chơi; trường hợp người chơi dưới 16 tuổi thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự đăng ký tài khoản bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự và có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập; thực hiện xóa thông tin của người chơi sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định; e) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý thời gian chơi trong ngày (từ 00h00 đến 24h00) của người chơi dưới 18 tuổi không quá 60 phút đối với từng trò chơi nhưng không quá 180 phút một ngày đối với tất cả trò chơi dành cho người chơi dưới 18 tuổi do doanh nghiệp cung cấp;
----------	--

	g) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm hiển thị liên tục kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi đối với tất cả các trò chơi do doanh nghiệp cung cấp khi giới thiệu, quảng cáo và phát hành; có thông tin khuyến cáo với nội dung “Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe” tại vị trí dễ nhận biết ở diễn đàn của trò chơi (nếu có) và trên màn hình thiết bị của người chơi theo tần suất 30 phút/lần trong quá trình chơi trò chơi; h) Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định 147/2024/NĐ-CP; i) Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin tài khoản người chơi bảo đảm lưu trữ đầy đủ, cập nhật liên tục, chính xác thông tin về quá trình sử dụng dịch vụ của người chơi bao gồm: Tên tài khoản, thời gian sử dụng dịch vụ, các thông tin có liên quan đến việc sở hữu vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng của người chơi; k) Có phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin, chất lượng dịch vụ và quyền lợi chính đáng của người chơi; l) Có phương án dự phòng về thiết bị và kết nối, phương án sao lưu dữ liệu để bảo đảm an toàn hệ thống khi có sự cố xảy ra.		
2	Cách thức thực hiện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức

4.1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 29 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định Nghị định 147/2024/NĐ-CP.	01 bản	Bản chính
4.2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.	01 bản	Bản sao
4.3	Đề án cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu doanh nghiệp đề nghị cấp phép, bao gồm các nội dung chính sau: a) Kế hoạch cung cấp dịch vụ, năng lực tài chính, tổ chức, nhân sự, kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định này; b) Sơ đồ tổng thể hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ, địa điểm đặt hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ; c) Thông tin về hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ gồm phần chính và phần dự phòng (tên, chức năng, cấu hình dự kiến của thiết bị) bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin; kế hoạch sao lưu dữ liệu và phương án dự phòng; kế hoạch bảo đảm quyền lợi của người chơi và dữ liệu thông tin của người chơi; d) Thông tin chi tiết về phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, kênh phân phối trò chơi, địa chỉ IP); doanh	01 bản	Bản chính

	nghiệp kết nối mạng Internet và mạng viễn thông (tên doanh nghiệp, địa chỉ, dung lượng kênh kết nối); đ) Thông tin về việc dự kiến kết nối với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.			
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày	 - Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	01 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh	Chuyên viên	15 ngày	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều

	đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.			kiện: Làm Phiếu trình, In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B5	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	01 ngày	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B6	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	02 ngày	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép (trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/2 ngày	- Giấy phép đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý			

	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng
10	Biểu mẫu
	Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 29 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP
11	Đối tượng thực hiện
	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
12	Cơ quan thực hiện
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện
	Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1
TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....

- Tên giao dịch quốc tế:

- Tên viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:Fax:

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp
ngày... tháng... năm... do....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ: Số điện thoại liên lạc:

5. Địa chỉ đặt máy chủ và Tên doanh nghiệp cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy
chủ:.....

6. Thời hạn đề nghị cấp phép: (tối đa 10 năm)

7. Tài liệu kèm theo: (theo quy định tại....)

Phần 2. Tài liệu kèm theo (quy định tại.....Nghị định.....)

1.

Phần 3. Cam kết

**1. Cam kết về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp
dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:**

Công ty.....cam kết thực nghiệm các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng, cụ thể như sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về thanh toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Không lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.
- Không đứng tên làm đại lý cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.
- Báo cáo và chịu sự thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Cam kết kế hoạch triển khai dịch vụ

Căn cứ vào các nội dung được trình bày trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng, doanh nghiệp cam kết triển khai cung cấp dịch vụ sau khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; thực hiện đúng các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các nội dung cam kết khác

- Doanh nghiệp cam kết hồ sơ doanh nghiệp nộp đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng là đúng sự thật, đúng với thực tế của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhân sự, kỹ thuật, tài chính, quản lý nội dung, thông tin... theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.
- Cam kết toàn bộ hệ thống hỗ trợ và kết nối thanh toán cho game là đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

Doanh nghiệp.....cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các biện pháp xử phạt theo quy định của Nhà nước và Quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khi vi phạm các cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu:

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

34. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

Mã số TTHC: 1.002029

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Doanh nghiệp làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng trong thời hạn 10 ngày kể từ khi thay đổi các nội dung sau: a) Tên doanh nghiệp; b) Tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; c) Địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch; d) Địa chỉ đặt hoặc thuê máy chủ.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo Mẫu số 31 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định Nghị định 147/2024/NĐ-CP.	01 bản	Bản chính
4.2	Tài liệu, văn bản chứng minh các lý do cần sửa đổi, bổ sung (nếu có).	01 bản	Bản sao
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		

6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B5	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B6	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép.

			làm việc	- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép (trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Giấy phép đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý			
	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 31 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện			
	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do			

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG

Kính gửi: Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....

- Tên giao dịch quốc tế:

- Tên viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch: Điện thoại: Fax:

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....

4. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đề nghị được sửa đổi, bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số cấp ngày thángnăm.....

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

2.....

3.....

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

35. Tên thủ tục: Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mã số TTHC: 1.004255

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)			
	Doanh nghiệp có Giấy phép bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được			
2	Cách thức thực hiện			
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
3	Trình tự thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức	
4.1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 33 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định Nghị định 147/2024/NĐ-CP.	01 bản	Bản chính	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận	1/4 ngày làm việc	

	- Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Một cửa		- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép (trong trường hợp từ chối	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Giấy phép đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.

	cấp Giấy phép), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC			
9	Cơ sở pháp lý			
	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 33 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện			
	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do			

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG

Kính gửi: Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....

- Tên giao dịch quốc tế:

- Tên viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:Fax:

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại

1. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

Giấy phép (tên giấy phép) số....cấp ngày tháng năm.....

2. Lý do đề nghị cấp lại

☐ Bị mất

☐ Bị rách

☐ Bị cháy

☐ Bị tiêu hủy dưới hình thức khác (ghi rõ)

☐ Lý do khác (ghi rõ)

Phần 3. Cam kết (Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng cấp lại.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

36. Tên thủ tục: Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

Mã số TTHC: 1.004250

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)			
	Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép thực hiện thủ tục Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng			
2	Cách thức thực hiện			
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
3	Trình tự thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
4	Thành phần hồ sơ		Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp gia hạn giấy phép theo Mẫu số 32 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định Nghị định 147/2024/NĐ-CP.		01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/

				Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Giấy phép - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B5	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B6	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy phép.

				- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép (trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Giấy phép đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý			
	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 32 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện			
	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy phép gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do			

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG

Kính gửi: Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....
- Tên giao dịch quốc tế:
- Tên viết tắt:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ văn phòng giao dịch:Điện thoại:Fax:
- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:
- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....
4. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đề nghị được gia hạn: Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngàythángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

Thời hạn đề nghị được gia hạn: năm tháng

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

37. Tên thủ tục: Cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mã số TTHC: 2.001677

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	a) Có Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng còn thời hạn tối thiểu 06 tháng; b) Nội dung, kịch bản trò chơi điện tử không vi phạm các quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng và quy định về sở hữu trí tuệ; không mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài; không có các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ miêu tả cụ thể các hành động sau: Khủng bố, giết người, tra tấn người, ngược đãi, xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em; kích động tự tử, bạo lực; khiêu dâm, dung tục trái với truyền thống đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; xuyên tạc, phá hoại truyền thống lịch sử; vi phạm chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ; sử dụng ma túy, uống rượu, hút thuốc lá; đánh bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác; c) Trò chơi điện tử trên mạng có kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi phù hợp với nội dung, kịch bản trò chơi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 Nghị định 147/2024/NĐ-CP.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức

4.1	Đơn đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng (theo mẫu số 34 của nghị định số 147/2024/NĐ-CP	01 bản	Bản chính
4.2	Giấy tờ, tài liệu, bằng chứng chứng minh quyền sở hữu trí tuệ đối với trò chơi theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ; văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành trò chơi tại Việt Nam. Đối với trò chơi được đối tác nước ngoài nhượng quyền phát hành, phải có hợp pháp hóa lãnh sự tại nước sở tại kèm theo văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam (văn bản, giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt có chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực).	01 bản	Bản sao
4.3	Đề án phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu doanh nghiệp đề nghị cấp Quyết định, bao gồm các nội dung sau: a) Tên, nguồn gốc, xuất xứ của trò chơi; Nội dung, kịch bản trò chơi đáp ứng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 43 Nghị định này và bao gồm: Hệ thống nhân vật, hệ thống nhiệm vụ, bản đồ (sơ đồ), hệ thống đơn vị ảo, vật phẩm ảo, điểm thưởng, âm thanh, hình ảnh, hoạt động tương tác, thực hiện các nhiệm vụ của các nhân vật, hoạt động đối kháng giữa các nhân vật với nhau (bao gồm hình ảnh nhân vật, vũ khí, tính năng....); phiên bản phát hành; kết quả phân loại độ tuổi người chơi; b) Thông tin chi tiết về phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ gồm: Tên miền và địa chỉ IP của trang thông tin điện tử giới thiệu, cung cấp trò chơi, ứng dụng trò chơi; tên kho ứng dụng phân phối trò chơi; c) Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh	01 bản	Bản chính

	nghiệp, các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi.			
4.4	Thiết bị lưu trữ/tài liệu điện tử thể hiện các hình ảnh, hoạt động, âm thanh đặc trưng trong trò chơi: Đăng ký tài khoản; bản đồ, sơ đồ; một số tuyến nhân vật, vật phẩm, đồ trang bị cho nhân vật; hoạt động đối kháng đặc trưng giữa các nhân vật đang làm nhiệm vụ; hoạt động quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ của người chơi trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi (nếu có); hiển thị thông tin về phân loại độ tuổi, thông tin khuyến cáo		01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: 5.000.000 đồng (Thông tư 290/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính)			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
8.1	Rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển thụ lý hồ sơ (2,5 ngày)			
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý và báo cáo Lãnh đạo Cục - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ

B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	1,5 ngày	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Chuyển hồ sơ tới Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng - Trường hợp từ chối, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
8.2	Lấy ý kiến Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng (6,5 ngày)			
B1	Tổ giúp việc tiếp nhận hồ sơ từ Chuyên viên thụ lý, chuyển Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng cho ý kiến	Tổ giúp việc	1/2 ngày	Tải hồ sơ lên hệ thống thẩm định trò chơi điện tử trên mạng và chuyển các thành viên Hội đồng cho ý kiến
B2	Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng cho ý kiến thẩm định trò chơi	Hội đồng	05 ngày	Ý kiến của từng thành viên Hội đồng
B3	Tổ giúp việc tổng hợp ý kiến của Hội đồng - Trường hợp cần tổ chức buổi họp Hội đồng thẩm định tập trung: Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định thông báo doanh nghiệp sắp xếp lịch họp và yêu cầu doanh nghiệp điều chỉnh, bổ sung hồ sơ chuyển cho chuyên viên thụ lý của Phòng TTĐT - Trường hợp không phải họp tập trung, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định chuyển ý	Tổ giúp việc	01 ngày	Báo cáo tổng hợp ý kiến bằng văn bản thẩm định nội dung kịch bản trò chơi

	kiến yêu cầu doanh nghiệp điều chỉnh, bổ sung cho chuyên viên thụ lý của Phòng TTĐT			
8.3.	Dự thảo văn bản yêu cầu doanh nghiệp điều chỉnh, bổ sung hồ sơ (3,5 ngày)			
B1	Chuyên viên thụ lý nhận hồ sơ từ Tổ giúp việc và trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát	Chuyên viên	02 ngày	Dự thảo văn bản trả lời trên ý kiến tổng hợp của Tổ giúp việc
B2	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày	Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B3	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	Ký văn bản thông báo điều chỉnh, bổ sung hồ sơ.
B4	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu văn bản thông báo điều chỉnh, bổ sung hồ sơ, chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/2 ngày	- Giấy phép đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
8.4	Thụ lý hồ sơ sửa đổi, bổ sung (7,5 ngày)			
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTT&TTĐT tiếp nhận hồ sơ và chuyển Lãnh đạo Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ.
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.

B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	4,5 ngày	- Đối với hồ sơ hợp lệ và bổ sung đầy đủ ý kiến của Hội đồng: dự thảo Phiếu trình, Quyết định kèm theo các tài liệu liên quan - Trường hợp từ chối, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	01 ngày	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Quyết định: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Quyết định - Trường hợp từ chối cấp Quyết định: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Quyết định hoặc văn bản từ chối cấp Quyết định (trong trường hợp từ chối cấp Quyết định), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/2 ngày	- Quyết định đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý			
	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng			

10	Biểu mẫu
	Đơn đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 34 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP
11	Đối tượng thực hiện
	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
12	Cơ quan thực hiện
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện
	Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng và một đoạn mã (thể hiện biểu tượng trò chơi điện tử G1 đã được cấp phép phát hành) qua địa chỉ thư điện tử của doanh nghiệp. Hoặc văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP QUYẾT ĐỊNH PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
 - Tên giao dịch quốc tế:.....
 - Tên viết tắt:.....
2. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 số: cấp ngày ... tháng ... năm ... do cấp.

Phần 2. Mô tả tóm tắt về trò chơi điện tử G1 đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử trên mạng:

1. Tên trò chơi:
 - Tên tiếng Việt:.....
 - Các tên tiếng nước ngoài:.....
2. Phiên bản trò chơi (tên phiên bản nếu có):.....
3. Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi:.....
4. Ngôn ngữ thể hiện:.....
5. Nguồn gốc trò chơi:.....
6. Mô tả tóm tắt nội dung, kịch bản trò chơi:
7. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):.....
8. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ (Internet, viễn thông di động):.....
 - 9.1. Trên trang thông tin điện tử/tại tên miền:
 - 9.2. Kênh phân phối trò chơi (ghi rõ tên kho ứng dụng, tên đơn vị phát hành hiển thị trên ứng dụng):.....

9.3. Địa chỉ IP:.....

10. Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp:

11. Thông tin về các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi:....

12. Họ tên người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi:

- Chức vụ:.....

- Điện thoại liên lạc:.....

13. Thời hạn đề nghị cấp Quyết định phát hành: (tối đa 05 năm).

14. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng trò chơi điện tử G1 đã được cấp phép phát hành):

Phần 3. Tài liệu kèm theo (quy định tại)

1.

2.

Phần 4. Cam kết

1. Cam kết về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:

- Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp Quyết định phát trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về thanh toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Không quảng cáo, giới thiệu các trò chơi điện tử chưa được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại khoản 8 Điều 54 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

- Không lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Không đứng tên làm đại lý cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

- Báo cáo và chịu sự thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 10, khoản 11 Điều 54 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

2. Các nội dung cam kết khác

- Doanh nghiệp cam kết hồ sơ doanh nghiệp nộp đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng là đúng sự thật, đúng với thực tế của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về bản quyền của phần mềm trò chơi.

- Cam kết toàn bộ hệ thống thanh toán cho trò chơi điện tử G1 trên mạng là đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

- Cam kết tất cả các tài khoản dùng để phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng và hiển thị trên các kênh phân phối do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

38. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng**Mã số TTHC: 1.002019****Nội dung cụ thể:**

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung của Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được cấp trong các trường hợp sau: + Thay đổi tên trò chơi, nguồn gốc của trò chơi; + Thay đổi kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi; + Nâng cấp phiên bản có thay đổi nội dung, kịch bản trò chơi so với phiên bản đã được cấp Quyết định; + Thay đổi, bổ sung phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt (tên miền đối với trò chơi cung cấp trên trang thông tin điện tử, địa chỉ IP, kênh phân phối trò chơi); + Thay đổi địa chỉ đặt hoặc thuê máy chủ.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 36 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP.	01 bản	Bản chính

4.2	Tài liệu, văn bản chứng minh các lý do cần sửa đổi, bổ sung (nếu có).	01 bản	Bản sao	
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Quyết định - Trường hợp từ chối cấp Quyết định, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

B5	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Quyết định: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B6	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Quyết định. - Trường hợp từ chối cấp Quyết định: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Quyết định (trong trường hợp từ chối cấp Quyết định chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Quyết định đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý			
	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 36 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện			
	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng			
12	Cơ quan thực hiện			

	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện
	Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUYẾT ĐỊNH PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:
4. Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng: (tên Quyết định) số....cấp ngày thángnăm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

XÁC NHẬN CỦA

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

39. Tên thủ tục: Cấp lại Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng

Mã số TTHC: 1.002011

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Doanh nghiệp có Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được hoặc thực hiện theo điều khoản chuyển tiếp tại khoản 4 Điều 82 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hoặc trong trường hợp văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành trò chơi tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP được tiếp tục gia hạn.		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp lại Quyết định theo Mẫu số 37 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.	01 bản	Bản chính
4.2	Tài liệu, văn bản chứng minh các lý do đề nghị cấp lại (nếu có).	01 bản	Bản sao
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
6	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định		

8 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyên Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B4	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	03 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Quyết định - Trường hợp từ chối cấp Quyết định, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B5	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Quyết định: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B6	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Quyết định.

				- Trường hợp từ chối cấp Quyết định: Ký văn bản thông báo từ chối.
B7	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Quyết định (trong trường hợp từ chối cấp Quyết định), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Quyết định đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý			
	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng			
10	Biểu mẫu			
	Đơn đề nghị cấp lại quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 37 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.			
11	Đối tượng thực hiện			
	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Quyết định cấp lại quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng			

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
QUYẾT ĐỊNH PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Điện thoại: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại

1. Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng
Quyết định (tên Quyết định) số....cấp ngày tháng năm
2. Lý do đề nghị cấp lại
 - ☐ Bị mất
 - ☐ Bị rách
 - ☐ Bị cháy
 - ☐ Bị tiêu hủy dưới hình thức khác (ghi rõ)
 - ☐ Lý do khác (ghi rõ lý do)

Phần 3. Cam kết (Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong cấp lại Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

40. Tên thủ tục: Thông báo Thông tin liên hệ của tổ chức cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam

Mã số TTHC: 1.010839

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)			
	15 ngày trước khi các tổ chức, cá nhân nước ngoài bắt đầu kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam			
2	Cách thức thực hiện			
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
3	Trình tự thực hiện			
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
4	Thành phần hồ sơ		Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam theo quy định		01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
6	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định			
8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm

B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	05 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Làm Phiếu trình, In Quyết định - Trường hợp từ chối cấp Quyết định, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Quyết định: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Quyết định. - Trường hợp từ chối cấp Quyết định: Ký văn bản thông báo từ chối.

B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép (trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/4 ngày làm việc	- Quyết định đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý Nghị định số 70/2021/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.			
10	Biểu mẫu Không có			
11	Đối tượng thực hiện Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam			
12	Cơ quan thực hiện Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam			

41. Tên thủ tục: Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam

Mã số TTHC: 2.002733

Nội dung cụ thể

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam có sử dụng dịch vụ cho thuê chỗ lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam hoặc có tổng số lượt truy cập từ Việt Nam (total visits) thường xuyên trong 01 tháng (số liệu thống kê trung bình trong thời gian 06 tháng liên tục) từ 100.000 (một trăm nghìn) lượt trở lên		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Thông báo thông tin liên hệ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định Nghị định số 147/2024/NĐ-CP	01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
6	Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định		

8 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	07 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: In Giấy xác nhận - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.

B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy xác nhận. - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận: Ký văn bản thông báo từ chối.
B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc lấy số văn bản từ chối cấp Giấy ghi nhận (trong trường hợp từ chối cấp Giấy ghi nhận), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/2 ngày làm việc	- Giấy xác nhận đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý			
	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.			
10	Biểu mẫu			
	Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện			
	Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam có sử dụng dịch vụ cho thuê chỗ lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam hoặc có tổng số lượt truy cập từ Việt Nam (total visits) thường xuyên trong 01 tháng (số liệu thống kê trung bình trong thời gian 06 tháng liên tục) từ 100.000 (một trăm nghìn) lượt trở lên			

12	Cơ quan thực hiện
	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL
13	Kết quả thực hiện
	Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam theo Mẫu số 11 tại Phụ lục Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hoặc văn bản trả lời từ chối cấp Giấy xác nhận và nêu rõ lý do

TÊN TỔ CHỨC, DOANH
NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng... năm...

**THÔNG BÁO THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP, CÁ NHÂN
NƯỚC NGOÀI CUNG CẤP THÔNG TIN XUYÊN BIÊN GIỚI VÀO VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Chúng tôi thông báo thông tin liên hệ của chúng tôi tại Việt Nam như sau:

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân:
- Tên giao dịch:
- Địa chỉ trụ sở chính nơi đăng ký hoạt động:
- Địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam:

2. Đầu mối liên hệ:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đại diện liên hệ với Bộ Thông tin và Truyền thông:....
- Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):
- Email:
- Điện thoại liên hệ:.....

3. Chúng tôi xác nhận rằng những thông tin do chúng tôi cung cấp trên đây là chính xác và cam kết chịu trách nhiệm về những thông tin này.

**XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN/
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

42. Tên thủ tục: Thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí

Mã số TTHC: 2.002734

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)		
	Các cơ quan báo chí trong vòng 10 ngày sau khi thiết lập tài khoản, trang cộng đồng, kênh nội dung, nhóm cộng đồng trên mạng xã hội trong và ngoài nước có trách nhiệm Thông báo thông tin với Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)		
2	Cách thức thực hiện		
	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội 01 (một) bộ hồ sơ. Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
3	Trình tự thực hiện		
	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại Hà Nội hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
4	Thành phần hồ sơ	Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Thông báo thông tin liên hệ tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP	01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
6	Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định		

8 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm
B1	Bộ phận Một cửa Cục PTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển Phòng TTĐT thụ lý, báo cáo Lãnh đạo Cục. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
B2	Lãnh đạo Phòng TTĐT giao hồ sơ cho chuyên viên thuộc Phòng thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng	1/2 ngày làm việc	Phê duyệt ý kiến chuyển Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên Phòng TTĐT tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng để kiểm tra, thụ lý hồ sơ.	Chuyên viên	07 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: In Giấy xác nhận - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận, dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.
B4	Chuyên viên thụ lý trình Lãnh đạo Phòng TTĐT kiểm soát và duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Cục.	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc	- Đối với hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Duyệt hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận: Duyệt dự thảo văn bản trả lời.
B5	Lãnh đạo Phòng TTĐT trình Lãnh đạo Cục ký hồ sơ.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày làm việc	- Hồ sơ hợp lệ và đáp ứng đủ điều kiện: Ký Giấy xác nhận. - Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận: Ký văn bản thông báo từ chối.

B6	Văn phòng Cục: - Lấy số, đóng dấu Giấy phép hoặc lấy số văn bản từ chối cấp Giấy ghi nhận (trong trường hợp từ chối cấp Giấy ghi nhận), chuyển trả kết quả ra Bộ phận Một cửa - Chuyên viên thụ lý Phòng TTĐT nhập thông tin vào Sổ theo dõi kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên	1/2 ngày làm việc	- Giấy xác nhận đã ký, đóng dấu. - Văn bản từ chối.
9	Cơ sở pháp lý Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.			
10	Biểu mẫu Thông báo thông tin liên hệ tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP			
11	Đối tượng thực hiện Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT			
12	Cơ quan thực hiện Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí theo Mẫu số 13 tại Phụ lục Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hoặc văn bản trả lời từ chối cấp Giấy xác nhận và nêu rõ lý do			

TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO THÔNG TIN LIÊN HỆ TÀI KHOẢN MẠNG XÃ HỘI/ TRANG
CỘNG ĐỒNG/KÊNH NỘI DUNG/NHÓM CỘNG ĐỒNG
CỦA CƠ QUAN BÁO CHÍ**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

**1. Thông tin cơ quan báo chí sở hữu tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội
dung/nhóm cộng đồng**

- Tên cơ quan báo chí:
- Số Giấy phép hoạt động báo chí: Ngày cấp phép: Cơ quan cấp phép:
- Địa chỉ tòa soạn:
- Điện thoại liên hệ tòa soạn:
- Hộp thư điện tử:
- Họ tên Tổng biên tập: Điện thoại liên hệ:

2. Thông tin về tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng

- Tên tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng:
- Tên mạng xã hội:
- Số lượng người sử dụng theo dõi/đăng ký:

- Định hướng lĩnh vực, nội dung cung cấp, trao đổi trên trang kênh, nhóm (*giải trí, thể thao, giáo dục...*):

3. Cam kết

(Tên cơ quan báo chí) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin nêu trên là đúng sự thật, đảm bảo tuân thủ theo đúng tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí đã được ghi trong giấy phép hoạt động báo chí.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

TỔNG BIÊN TẬP CƠ QUAN BÁO CHÍ

(*Ký tên, đóng dấu/ký số*)